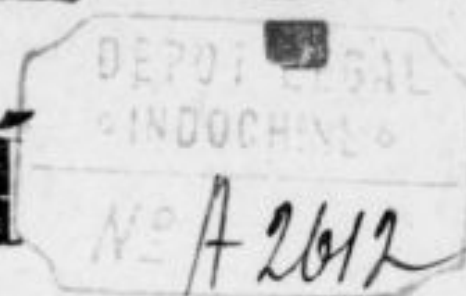


VĂN-HỌC

TẠP CHÍ

CƠ-QUAN CHUYÊN KHẢO, CUÚ, BẮN
SOẠN, GIẢNG-GIẢI, VỀ QUỐC - VĂN.
MỖI THÁNG RA HAI KỲ: NGÀY 1^{er} VÀ 15.



Revue littéraire paraissant le 1^{er} et le 15 de chaque mois

MỤC LỤC

1 — Bàn về việc giáo - dục bình - dân	453
2 — Khảo biện về khúc <i>cung oán ngâm</i>	456
3 — Thi thoại	463
4 — Một bức thư cùng Tân - Đà tiên sinh	468
5 — Bình luận thơ cổ : <i>chợ Trời</i>	470
6 — Dịch Pháp-văn : A) <i>Travail et progrès</i> ; B) <i>Pourquoi ?</i>	474
7 — Văn thơ : <i>thơ cụ Tam-Nguyên Yên-Đồ ;</i>	477
<i>thơ văn kim</i>	478
8 — Đoản - thiên tiểu - thuyết : <i>anh Tư Long</i>	481
9 — Dịch Hán - văn : <i>Chinh Khi ca</i>	488
10 — Tin tức trong làng văn	491
11 — Chú thích những áng văn cổ :	
<i>bài lục tỉnh của ông Cao - bá - Nhạ III</i>	492
12 — Hoa - Lư kết nghĩa (lịch sử tiểu thuyết)	495
13 — Nửa tháng vừa qua	501
14 — Hộp thư	506
15 — Ai biết bảo giùm (viết theo lối chữ Annam bỏ dấu)	507

CHỦ - BÚT : Dương - Bá - Trạc — CHỦ - NHIỆM : Dương - Tự - Quán

TÒA BÁO

193, Phố hàng Bông, 193

HANOI

Giá bán : một năm : 3\$ 00 — nửa năm : 1\$ 70 — mỗi số 0\$ 15



Ai ai cũng đều nên đọc quyển

NAM-NỮ TU-TRI

Dày 100 trang giá 0\$25 cước 0\$03

Cửa ĐÔNG-TÂY ẤN-QUÁN 193, phố hàng Bông -- Hanoi
Vi là quyển sách nói về Nam Nữ ái tình cốt đề gây
nói giống, tăng hạnh phúc cho vợ chồng và gia đình



CÁC NHÀ TU HÀNH,
CÁC NHÀ HỌC THỨC,
CÁC NHÀ NGHIÊN CỨU,
muốn hiểu rõ lý nghĩa đạo Phật
Xin hãy xem :

VIÊN ÂM NGUYỆT SAN

của Hội Phật-Học — Hué

Nội dung VIÊN-ÂM giảng giải Phật phát
rõ ràng, dễ hiểu, có mục luận đàn, diễn
đàn, dịch kinh, sự tích, tiểu-thuyết, thi
lâm, bài đàm vân vân.

Mỗi tháng xuất bản một kỳ.

Mỗi quyển : 0\$20 — Một năm : 2\$00

Thơ, từ, mandat mua nguyệt-san xin gửi
cho: M. Lê Đình-Thám, Médecin Indochinois
du Cadre Latéral — Hué. Boîte postale N° 73

Français qui désirez connaître
l'Indochine, ses mœurs, ses
habitants, ses aspirations,
son évolution.

Annamites qui vous intéressez
à votre pays dans la marche
vers le Progrès. Abonnez-
vous dès maintenant à

"LA VIE INDOCHINOISE"

Grand hebdomadaire politique
et littéraire rédigé par les meil-
leurs écrivains de l'Indochine.

Pour un abonnement de 3p00
vous aurez un journal dans le
quel vous trouverez idées et ren-
seignements utiles et intéressants

Date de parution :

Samedi 9 Décembre 1933

Hâtez vous d'envoyer votre
adresse complète au Directeur
de La Vie Indochinoise, n° 7,
avenue de la Cathédrale - Hanoi.
pour recevoir gratuitement les
numéros de lancement.

C A C

HOC = NH

Ai muốn đồ bằng Certificat d'études primaires
franco-indigènes thì nhớ mua cuốn :

RECUEIL DE DICTÉES

của ông DƯƠNG - QUẢNG - HÀM

Giáo - Sư tại trường Bảo - Hộ Hanoi

Phần trên dạy về analyse grammaticale và logique,
phần dưới là chép những bài dictées đã dùng làm
dầu bài thi, bao nhiêu câu hỏi đều có trả lời phân
minh lại có những điều giảng giải cặn kẽ nữa.

RẤT TỐT!! RẤT TỐT!!

Chả thế mà đã in tới lần thứ hai rồi.

Sách dày 170 trang — Giá bán 0\$45 — Cước đảm bảo 0\$16

Mua một quyển gửi bằng timbres postes cũng được cho

ĐÔNG-TÂY ẤN QUÁN 193, PHỐ HÀNG BÔNG HANOI

VĂN-HỌC TẬP-CHÍ

Bản về việc giáo-dục bình-dân

Khoa học càng tiến bộ chừng nào, thì sự cạnh tranh về quyền lợi ở giữa các nước càng sôi nổi chừng nấy. Mà trên trường cạnh tranh đó, chỉ có cái sức của giai-cấp bình dân là mãnh liệt hơn cả vì giai-cấp bình-dân chiếm đại đa số. Ở các giới : sĩ, nông, công, thương, quyền-lợi của họ cố nhiên là phải rộng-rãi và tản mác ở dân-gian.

Nói thực ra : quyền lợi của đám bình - dân tức là quyền-lợi của nước của nhà ; đám bình dân mà có biết bảo-thủ quyền lợi của mình, nước nhà mới mong nói chuyện sinh-tồn.

Bởi giai-cấp bình dân có quan hệ mật thiết đến cái lễ thịnh-suy của quốc-gia xã-hội, nên các Chính-phủ Âu-châu đều hết lòng lo nghĩ đến đám bình-dân. Nói lo nghĩ đến đám bình-dân, nào có phải lo mở rộng quan trường đăng họ bước vào cho thỏa mãn cái sở cầu của họ đâu ; nào có phải lo cung cấp bao nhiêu sự sung-sướng ở cõi đời này cho phù-hợp với cái sở thích của họ đâu. Lo là lo nâng cao trình-độ trí-thức của họ, nghĩa là lo giáo - dục họ, ban cho họ cái ảnh hưởng của sự giáo-dục. Có thế rồi họ mới biết cái nghĩa

vụ của họ đối với Chính-phủ đến đâu là cùng, và ở trong cái phạm vi đó mà hành động vừa ôn-hòa lại vừa có kết quả tốt đẹp cho cả đôi bên. chừng đó trên Chính-phủ, dưới bình dân, ai nấy theo đuổi một lý tưởng, là cùng nhau góp sức lại đặng đi đến nẻo duy - tân cường thịnh.

Ở nước ta, việc giáo-dục bình-dân lại khẩn-cấp gấp mấy trăm mấy ngàn lần, vì nước ta là một nước chậm chân trễ bước hơn các nước Tây-phương trên đường văn minh. Nền cần phải ban bố một lối giáo dục, thu kiểu tối-tân như ở các nước, lối giáo dục đó lại cần phải phổ-cập với khắp cả hạng người trong nước.

Sự-nghiệp khai-hóa của Chính-phủ Pháp ở đây kể cũng vĩ-dại lắm rồi. Mà thử hỏi đại đa số người Việt-Nam ta coi đã biết hoàn toàn lợi dụng sự khai-hóa của Chính-phủ chưa? Hẳn đành là chưa.

Hầu hết đám bình-dân ta còn mê-mạn trong đời trầm-tĩnh thái bình của thời kỳ dĩ vãng. Ai khai-hóa mặc ai, miễn mình ăn sung mặc sướng quanh năm là đủ; ai văn minh mặc ai, miễn đừng có đều chi phiền phức đến cõi lòng mình là hay. Như thế thời sự nghiệp khai-hóa của Chính-phủ không bao giờ được chóng kết quả như ý nguyện. Nguyên nhân là vì đám bình dân ta chưa được hưởng thụ cái ân huệ của sự giáo dục phổ - thông theo thời thế mới, chính lối giáo dục ấy mới dạy dân ta phải làm thế nào duy tân cường thịnh theo cái khuôn mẫu của các nước Âu-Tây.

Tuy biết Chính - phủ đã có đặt ra trường học từ tỉnh thành đến thôn quê, sự học vẫn lần lần ban bố ra cùng. Nhưng sự học vẫn ấy cũng còn cái tính-cách của nhà trường, chưa có phổ cập tới anh nông phu hay bác thợ mộc vậy.

Ở nhiều nơi đô thành lớn, đã có thư viện của Chính phủ đặt ra để ai cũng có thể đến đó nghiên cứu cái

văn-minh học-thuật của Tây-phương. Nhưng những thư viện đó hình như chỉ riêng dành cho hạng thượng lưu trí thức thôi, đám bình dân mộc mạc nào có học lực gì mà mong đòi đến đó.

Vậy, muốn cho đám bình - dân ta nhận chân cái ý nghĩa khai-hóa của Chính-phủ, thì không còn gì hay hơn là ngay bây giờ nên thực hành cái lối giáo - dục phổ thông như ở các nước tân tiến, nghĩa là đặt ra bình-dân thư-viện, bình dân thư-xã, khuyến-học-hội v. v. . . chủ tâm là mở rộng đường học-vấn cho các giai cấp xã-hội được nhờ tự do lui tới đó mà tự nâng cao cái trình độ trí-thức của mình. Mà muốn đạt đến cái mục-đích đó, lại phải nhờ những nhà trí-thức nhiệt thành ra công phiên-dịch ra quốc-văn những sách vở nào hợp với cái phong trào tư tưởng của thời thế mới.

Phải cần đến Quốc-văn mới được. Không lưu tâm đến Quốc văn, thì khoan nói đến việc giáo-dục bình dân. Vì quốc văn là một cái lợi khí trọng yếu để mà duy tân, để mà tiến hóa. Lẽ đó không còn ai chối cãi đặng cả, và ở đây chúng tôi cũng khỏi phải bàn giải đến làm chi. .

Chúng tôi chỉ phát huy ra cái lẽ sở dĩ cần phải ban hành ra việc giáo dục bình dân, và muốn đạt đến cái ý nghĩa của lối giáo dục ấy thời phải nên thế nào. Chúng tôi lại đề cập luôn sự lợi dụng quốc văn là đỉnh ninh rằng việc giáo dục bình dân và sự lợi ích của quốc văn cùng đi cặp nhau thành một vấn đề quan hệ cần phải bàn đi dẫn lại cho đến khi giải quyết vậy.

TRƯƠNG-LẬP-TẠO



KHẢO BIỆN VỀ KHÚC

CUNG OÁN NGÂM



« *Cung oán ngâm* », một thiên vận-văn song thất lục bát mà trong văn giới ta lâu nay, vẫn suy tôn nó là một thiên kiệt-tác. Kiệt-tác thật, tập văn này thực có nhiều câu như gấm như hoa, có nhiều giọng như đàn như sáo, mặn mà, náo nức, thanh thoát, nỉ non, khiến người đọc đến, phải sinh cái mỹ cảm về văn chương, phải phát cái ai cảm trọng tâm sự. Nó là một tập văn có giá trị như vậy, cho nên trong văn trường ta, ngoài quyển *Thúy-Kiều*, tất là phải kể đến tập *Cung oán ngâm*. Tuy nhiên tính thường của người ta, trong một bài văn nếu có được quá nửa phần hay, người ta sẽ đổ dần khen ngợi là hay, còn cái phần non nửa kia, giá nó có những chỗ dở, người ta cũng không nhận thấy. Một người khen hay, trăm người cũng khen theo nức nở, thế rồi cái thanh giá của áng văn ấy nó làm cho hết mọi người khác đều phải ù tai lóa mắt, chỉ toàn nhận thấy cái hay, mà không ai nhận thấy cái dở nó lẫn vào trong. Khúc *Cung-oán-ngâm*, chính là một tập văn hay mà có lúc đặc chen lẫn những nét dở vào, song bấy nay người ta đều chỉ ham mê về cái phần hay, mà không ai nhận thấy chỗ dở của nó. Những chỗ dở trong tập văn này, đã làm cho nhiều đoạn ngang ý và mất nghĩa, dù ai cưỡng giải đến thế nào cũng không thông được. Những chỗ dở ấy, xét ra không phải tự ở tác giả làm nên, dù có thì cũng chỉ một phần, còn một phần lớn thì do ở cái tệ nhầm lẫn trong sự sao lục. Nước ta khi xưa chưa có văn tự, phàm văn chương làm ra bằng tiếng bản quốc, đều biên chép bằng thứ chữ gọi là *chữ nôm*. Thứ chữ ấy là lấy chữ Hán mà đặt ra, vì nó chưa có quy củ nhất định gì, nên rất dễ hay nhầm lẫn. Cho nên những văn cũ của ta truyền

lại, nhất là tập văn điều luyện khắc khổ như văn *Cung-oán*, thì sự sao chép trong khi còn dùng chữ nôm, cho đến khi từ chữ nôm chuyển sang Quốc-ngữ, tài nào mà khỏi có những sự sai lầm.

Nay đối với những tập văn cổ mà ta cho là có chỗ sai lầm, ta có nên bàn bạc tra cứu để tìm cho thấy cái mặt mũi thực của nó không? Theo ý tôi, đó chính là cái phận sự của chúng ta ngày nay, miễn là chúng ta phải hết sức thận trọng mà đừng khinh xuất.

Ấy vì ý tôi nghĩ như thế, cho nên viết bài này để cùng các bạn khảo biện về tập văn *Cung oán*, một tập văn cổ mà tôi cho là có lắm chỗ sai lầm.

Trước khi khảo biện tập văn *Cung oán ngâm*, hãy xin xem ai là tác-giả tập văn ấy. Người ta vẫn bảo ÔN-NHƯ-HẦU là người ở cuối đời Lê làm ra khúc ngâm *Cung oán*. Song tên thật của Ôn-như-hầu là gì thì không ai biết. Năm ngoái, thấy ông Sở Cường Lê Dư có nói ông đã tra cứu ra được, Ôn-như-hầu chính tên là NGUYỄN GIA-THIỆU, người làng Liễu-Ngạn tỉnh Bắc-Ninh (1). Mới đây, tôi nhân được xem một bản sách in đã cũ (2), trong thấy có nói đến hai câu thơ khóc vợ: «Đập mảnh gương

1) Lược truyện ông Nguyễn gia Thiệu đã in ở quyển *Ngâm khúc* của ông NGUYỄN-QUANH-OÁNH (Vĩnh-hưng-Long thư quán, 1930) nhưng không nói rõ là rút ở sách nào ra. Trong bài phê bình quyển sách ấy của ông NGUYỄN-VĂN-TỐ đăng trong tập *Tùng báo* của trường Bác-Cổ (*Langue et littérature annamites. Notes critiques.* — B.E.F.E.O, t. XXX, (1930, nos 1-2) có chua là do ở tập *Nguyễn-gia phả ký* hiện có ở trường Bác-Cổ mà ông Lê-Dư đã tìm ra.
(L. T. S.)

2) Tiếc rằng tác giả bài này không cho biết tên quyển sách ấy. Trong việc khảo liệu thơ văn cổ, khi dẫn một chứng cứ gì ở sách cũ, cần phải nói rõ xuất-xứ.
(L. T. S.)

ra tìm lấy bóng, xếp manh áo lại để dành hơi» (1), và nói tác-giả hai câu ấy là «**Liễu-Khê Ôn như Công**». Xem vậy thì có lẽ cụ Ôn-như thực là người làng Liễu Ngạn như trên đã nói, nên mới đặt hiệu là Liễu Khê, vậy thì cái thuyết của ông Sở - Cuồng có lẽ đủ tin được.

* * *

Nay xin nói đến những chỗ mà tôi cho là cần phải khảo biện trong tập văn Cung-Oán :

— *Trái vách quế gió vàng hiu hắt* (câu 1).

Câu ấy nghe thật vô nghĩa, nó vô nghĩa vì chữ *trái*. Theo ý tôi thì chữ *trái* là do chữ *thừa* mà viết nhầm ra. Nguyên ở bản chữ nôm ngày xưa, chữ *thừa* «**𧯛**» với chữ *trái* «**𧯛**» nó giống nhau lắm, cho nên sự sao chép dễ hóa sai lầm. Xét ra chữ *thừa* ở đây còn có nghĩa: «*thừa vách quế gió vàng hiu hắt*», nghĩa là bức vách không được kín đáo, gió lạnh thổi vào; chữ «*trái vách quế*» thì thật là vô nghĩa.

— *Nghĩ nguồn cơn dở dối sao đang* (câu 6).

Chữ *dở dối* ấy là nhầm, *rở rới* mới phải. Ý nói cái nòng nổi đáng buồn đáng thương của mình rở rới ra thì cũng không đang. Vậy mà xem mấy bản quốc ngữ đều in là «*dở dối*», rồi trong bản *Cung oán dẫn giải* của ông ĐÌNH-XUÂN-HỘI, lại giải nghĩa chữ *dở dối* tức là *dở dang*, và nói «*ngâm duyên trời dở dối nữ nào đến thế cho đang*» thì thật là vô nghĩa quá! Vả nếu *dở dối* đã là *dở dang*, mà dưới lại tiếp câu «*vì đâu nên nổi dở dang* (câu 7)», chẳng cũng là trùng điệp vô vị lắm ư!

1) Vua Minh-Mệnh (?) có bài thơ khóc một bà phi, trong có hai câu :

« Đập cổ-kính ra tìm lấy bóng,
Xếp tân y lại để dành hơi ».

thì ra vua Minh-Mệnh chính là bắt chước lời cụ Ôn - Như. Cụ Trần-danh-Ấn (cuối Lê) có dịch hai câu của cụ Ôn Như ra chữ nho rằng :

*Phá loái lẳng hoa lăm cụu ảnh,
Trùng phong khâm tử hộ dư hương.*

— **Phủ** lâu thu hỏi gã **Tiểu lang** (câu 26).

Câu này tôi xem trong một bản nôm cũ thì thấy chép là : « **địch** lâu thu **dường** gã **Tiểu lang** ». Chính câu cũ này mới là đúng nghĩa, vì **địch** là sáo, dùng **điền** **Tiểu-Sử** ở **đời Xuân - thu**, một người thổi sáo hay tuyệt mực. Ý câu này nói người con gái thổi sáo hay cũng **dường** như **Tiểu - Sử** **đời xưa**. Vậy mà thấy có mấy bản in : **phủ** lâu thu hỏi gã **Tiểu lang**, rất là vô nghĩa.

— **Thiên-tiên** cũng **ngánh** nghề thường **trông** **giăng** (câu 28).

Tả người con gái múa hát khéo mà đến « **thiên tiên** cũng **ngánh** nghề thường **trông** **giăng** », thì tôi đổ các **đọc-gả** hiểu được nó là nghĩa thế nào. Tra trong một bản nôm cũ thì thấy chép rằng : « **Thiên tiên** cũng **xếp** nghề thường **trong** **giăng** ». Đúng nghĩa lắm ! Ý bảo người con gái múa hát khéo, đến nỗi **thiên tiên** ở trong **cung** **giăng** cũng phải **xếp** áo nghề thường lại mà không dám múa nữa.

— **Hoa xuân** nọ còn **phong** non **nhị** (33).

Chữ « **non** **nhị** » chính là « **nộn** **nhị** » (cái **nhị** **non**) mới phải, đối với hai chữ « **hàn** **quang** » ở dưới ; chữ **non** **nhị** thì nói chữ chẳng ra nói chữ, nói nôm chẳng ra nói nôm.

— **Đòi** rất **mực** **thiên** ma **bách** **chiết** (câu 53)

« **Đòi** rất **mực** » thật là vô nghĩa. Có mấy bản in là « **đòi** **những** **kẻ** » thì hợp nghĩa lắm. Nên biết chữ **đòi** nghĩa cũng như chữ **mấy**, chữ **bao**, **đòi** **đoạn** tức là **mấy** **đoạn** này **bao** **đoạn**, **đòi** **hỏi** tức là **mấy** **hỏi** hay **bao** **hỏi**. « **Đòi** **những** **kẻ** **thiên** **ma** **bách** **chiết** » tức là biết **bao** **nhieu** **những** **kẻ** gặp phải cái cảnh **ngộ** **thiên** **ma** **bách** **chiết** (lãng **đăng** **vất** **vả**).

— **Bệnh** **trần** **đòi** **đoạn** **tâm** **can** (câu 63),

Đòi **đoạn** **tâm** **can** nghĩa là gì ? Hai chữ « **tâm** **can** » ấy, phải là hai chữ « **tân** **toan** » (cay **chua**) thì mới có nghĩa.

— *Chiếc thuyền bảo - ảnh lô xô gặp ghềnh* (câu 72).
 Chữ « gặp ghềnh » ấy có nhẽ là « rập rềnh » mới phải
 vì thuyền mà gặp ghềnh thì không đúng lắm. Có bản
 chép là « thấp tho mặt ghềnh », nhưng tả cái thuyền
 mà bảo nó thấp tho thì cũng không đúng.

— *Trẻ tạo hóa đành hanh quá ngán*
Dắt diu người lên cạn mà chơi (câu 73-74)

« Dắt diu người lên cạn mà chơi » là nghĩa làm sao ? Trong
 một bản nôm cũ, chép là : « *chết đuối người trên cạn mà*
chơi » như vậy thì còn có lẽ, vì trong sách nhỏ có
 chữ « lục trầm », nghĩa là chết đuối trên cạn. Ý hai
 câu này nói ông giới cay ác, bắt người chết đuối trên
 cạn để mà xem chơi.

— *Giấc Nam kha khéo bất bình* (83),
 Phải là *bất tình* mới có nghĩa.

— *Sân đào lý giâm lông man mác* (85),
 « Giâm lông » nghĩa là bóng mây che lấp, nhưng bản
 cũ chép là « *rêu phong man mác* » có nhẽ phải hơn.

— *Tuồng ảo hóa đã bày ra đấy* (101),
 Chính là « *huyễn hóa* » mà ta lầm ra : huyễn là giả
 dối, hóa là biến hóa, trên câu này một ít, « *sơn hà*
cũng huyễn » chứ không phải « *cũng ảo* ».

— *Chẳng qua một nắm cỏ khâu xanh rì* (câu 104)
 « Cỏ khâu » là nghĩa gì ? chính là « *cỏ khâu* », cũng
 như nói cỏ mọ, cỏ phần nghĩa là cái mả lâu năm.
 Vậy mà đọc ra cỏ khâu, thật là vô nghĩa. Rồi đến có
 người làm ra một bài thơ đăng trên tờ báo kia mà
 trong có một câu rằng :

« *Trăm năm một nắm cỏ xanh khâu* ».
 Trời ơi, cái nhầm thật là hết chỗ nói.

— *Liều thược được mơ màng thuy vũ* (137)
 Bản cũ chép là « *chồi thược được* », phải nghĩa hơn.

— *Vườn Tây-uyên khúc trùng nguyệt-dạ
Gác Lâm-xuân điệu ngã Đình-hoa (169-170)*

Nguyệt - dạ (Bích-nguyệt dạ dạ mãn) với Đình hoa (Ngọc thụ hậu đình hoa) là tên những khúc điệu trong cung vua Trần Hậu - chúa, còn chữ « trùng » với chữ « ngã » ở đây là nghĩa thế nào ? Có người bảo trùng là đem khúc nhạc đời xưa mà hát lại, ngã là nghe điệu hát mà phải xiêu lòng. Nếu vậy thì tác - giả vì có hiệp vần mà dùng chữ ép uổng và tối nghĩa quá !

— *Thôi cười nộ lại nhần mây liễu,
Gheo hoa kia lại điệu gót sen (177-178).*

Hai câu này đã dùng những chữ đối nhau, vậy mà ba chữ đầu lại không đối được chỉnh. Tôi tưởng hai câu ấy nó như thế này mới phải : « Cười nộ nộ sẽ nhần mây liễu, gheo hoa kia lại điệu gót sen ».

— *Cam công đặt cái khăn này tắc ơ (184).*

Chữ « này » nó là chữ « ngày » mới phải. Ngày tắc ơ nghĩa là ngày còn trứng nước người ta ẩm đưa trẻ trứng nước thường nói chuyện với nó bằng những câu « tắc ơ ! » « tắc âu ! ». Đặt khăn là theo điển trong kinh Lễ, nói khi sinh con gái thì đặt cái khăn ở cửa ngoài, để tỏ ra khăn lược là việc của người con gái. Ý nói cái duyên của mình may mắn thế này, cũng cam công cha mẹ đặt cái khăn khi mình còn là một đứa trẻ tắc ơ. Coi vậy thì chữ ngày vào đó mới có nghĩa mà chữ này thì thật vô nghĩa.

— *Ai ngờ bỗng một năm một nhạt,
Nguồn cơn kia không tát mà vơi (193-194).*

Trong bản nôm cũ thấy chép là « nguồn ơn » thì đúng nghĩa lắm. Người cung-phi than về sự vua nhạt tình với mình, nguồn ơn bề ai không tát mà vơi, chứ sao lại là nguồn cơn ?

— *Chúa xuân nhìn hái một hai bóng gần (200).*
Chữ « nhìn » ấy chính là chữ « nữ », vì thấy trong

bản cũ viết chữ « nữ 女 », « nữ » chuyển đi tất phải là « nữ ». Nhưng tại sao nguyên là chữ « nữ » mà các bản Quốc - ngữ thường dịch là « nhìn » cả ? Chắc là trong một bản nôm cũ nào viết chữ nữ đúng mero như thế này : « 𠂔 », trông nó giống với chữ « nhìn 𠂔 » thế rồi một người nào đó dịch là « nhìn » bèn làm nhầm cho tất cả các bản Quốc-ngữ. Câu ấy nói muôn nghìn cái hoa màu hồng màu tía mà chúa xuân nữ chỉ hái một hai bông gần, còn các bông xa, thì bỏ, vậy chữ nữ ở đó mới là hợp nghĩa.

— Ngán thay cái én ba nghìn,
 Một cây cù mộc biết chen cành nào (203-204).

Trong một bài thơ ở kinh Thi có nói cù mộc là một thứ cây cao có cành cong che chở cho những dây sắn bìm leo bám ở dưới, ví với người vợ cả có lượng bao dung cho các vợ lẽ. Vậy thì nếu nói cù-mộc, nếu nói không chen được vào cù mộc, tất phải nói về các thứ dây leo mới phải ; đây nói ba nghìn cái én, rồi nói đến không chen được vào cù mộc, thì vu vợ không biết chừng nào ! Vậy theo như ý tôi, chữ « cù-mộc » ấy tất nó là « kiêu mộc » mới phải. Kiêu mộc là một cây cao, chỉ có một cây mà những ba nghìn con chim én thì không thể dung nạp cho hết. Tức nói có một ông vua mà những mấy nghìn phi tần, thì các phi tần chen lên được cũng là rất khó. Như thế nghe nó trôi nghĩa, chứ dùng chữ cù-mộc là điển vợ cả vợ lẽ vào đó, rất là không hợp, huống chi lại còn không ăn thua gì với mấy chữ « cái én ba nghìn ».

(Còn nữa)

Trúc-Khé NGÔ-VĂN-TRIỂN



THI THOAI

Làm thơ, bây giờ ai cũng đã biết là cần phải bỏ những cái « sáo » (*lieux communs*) đi. Vậy nữ thi-thần cũng không còn giữ được cái « bộ cánh » xưa, tất phải « choán » vào mình những bộ cánh mới cho thích thời, rồi những nhời ăn tiếng nói, đến cả các cách cử chỉ nữa cũng phải theo với bộ cánh mà thay đổi luôn. Nữ-thi-thần Việt-Nam dần dần rồi cũng phải đến như nữ thi-thần Pháp !

— Thơ Pháp, ta có thể nói được là phong phú nhất thế giới. Trong lời thơ thấy diễn-xuất ra được lắm cái đặc sắc, cái « cảm hứng » riêng mà từ xưa đến nay cái ảnh hưởng của thơ Tàu đã làm mất cả ở lời thơ ta đi ; cho đến nỗi những văn ấy, những thơ ấy tuy là văn thơ nôm đả mà lắm khi cũng chỉ là những bức vẽ phóng của thơ Tàu.

— Nay các thi-nhân tao-khách ở nước ta muốn làm những bức thi-nhân mới, gương mẫu cho quốc-âm ta sau này, thì không nên bỏ qua cái kho « thi liệu » mới lạ là những thơ Pháp ấy vậy.

— Trong cái rừng thơ Pháp có cái gì là đặc sắc, ta cũng nên lần lần đi qua, « đi cho biết đó biết đây » . . . rồi về nhà, cái cảm hứng đã có lắm về li-kỳ tuyệt-thú, ta mới bắt đầu làm thơ. Như vậy thì tư tưởng trong bài thơ tất dồi dào mà cái âm điệu xứng đáng tìm cũng không khó.

* *

Những cái tâm-lý trong người ta, những cái cảnh vật trong vũ-trụ, không cái gì là người Pháp không dùng lối thơ mà vẽ nên được, cả đến những cái « tình cảm », cái « tình tuyệt vọng » chôn sâu trong gan ruột mà họ cũng vẽ rõ rệt ra được hết. Ta hãy xem bài tự tình của chàng FÉLIX ARVERS thì sẽ rõ :

MON CŒUR A SON SECRET, MON ÂME A SON MYSTÈRE,
 UN AMOUR ÉTERNEL EN UN MOMENT CONÇU.
 LE MAL EST SANS ESPOIR AUSSI J'AI DÙ LE TAIRE,
 ET CELLE QUI L'A FAIT N'EN A JAMAIS RIEN SU.
 HÉLAS ! J'AURAIS PASSÉ PRÈS D'ELLE INAPERÇU,
 TOUJOURS À SES CÔTÉS ET POURTANT SOLITAIRE.
 ET J'AURAIS JUSQU'AU BOUT FAIT MON TEMPS SUR LA TERRE,
 N'OSANT RIEN DEMANDER ET N'AYANT RIEN REÇU.
 POUR ELLE, QUOIQUE DIEU L'AIT FAITE DOUCE ET TENDRE,
 ELLE IRA SON CHEMIN DISTRAITE ET SANS ENTENDRE
 CE MURMURE D'AMOUR ÉLEVÉ SUR SES PAS.
 A L'AUSTÈRE DEVOIR PIEUSEMENT FIDÈLE
 ELLE DIRA LISANT CES VERS TOUT REMPLIS D'ELLE :
 QUELLE EST DONC CETTE FEMME ? ET NE COMPRENDRA PAS.

Nguyên trong một cuộc thi đàn họp hội các bậc văn-
 nhân, mặt khách của bà Marie Meunesser Nodier mở,
 mà chàng Arvers cũng được dự, nhà thi-sĩ trẻ đó nhân
 thấy bà tài sắc kiêm toàn mà đem lòng mơ tưởng.
 Nhưng mà yêu là yêu vụng, nhớ là nhớ thâm, chứ
 không được như thi sĩ thiếu niên EDMOND-GOYARD kia
 chiều chiều ra cái quán Lapin agile trên đồng Sainte
 Genevière ở Paris mà giãi bày tâm sự với tình-nhân,
 mà ôm lấy nàng, mà nói những câu êm-ái : « Minh ơi !
 mình dơ tay mà đón lấy ta, mà du ta cho êm giấc
 mộng. Minh ơi ! Minh dơ cánh tay mà ôm lấy ta như
 cửa bể chiều hôm, gập cơn bão táp, ra tay đón lấy chiếc
 bách bênh bông ... » Cái nhớ, cái yêu của Arvers, trái
 lại, chỉ chôn sâu trong tim gan một mối tình tuyệt-
 vọng mà nên những lời thơ nào hùng đó. Ông TRẦN-KHÁNH
 GIU trong Annam tạp chí có dịch ra rằng :

Lòng ta chôn một khối tình,
 Tình trong giây phút mà thành thiên-thu.
 Tình tuyệt-vọng nỗi thâm sâu,
 Mà người gieo thảm như hầu không hay.
 Hỡi ơi ! người đó ta đây !
 Mà ta thui-thủi đêm ngày chiếc thân !

Dầu ta đi trọn đường trần,
 Chuyện riêng dễ dám một lần hé môi.
 Người dù ngọc nói hoa cười,
 Nhìn ta như thề nhìn người không quên.
 Đường đời lặng lẽ bước tiên,
 Ngờ đâu chân đạp lên trên khối tình!
 Một niềm tiết-liệt trung-trình,
 Xem thơ nào biết có mình ở trong.
 Lạnh lùng lòng mới hỏi lòng:
 « Người đâu tả ở mấy dòng thơ đây? »

— Mà người tả ở mấy dòng thơ đó « xem thơ này biết có mình ở trong » hay làm như vô tình không muốn hiểu thì không rõ, nên không hề có một lời đáp lại. Mãi đến hơn 60 năm sau, có mấy nhà thơ tinh nghịch như LOUIS AIGOIN, MAURICE DONNAY vãn, vãn... làm lời bà Nodier mà họa vãn, đáp lại. Xem ra có bài này là có ý nghĩa và được truyền tụng:

AMI, POURQUOI NOUS DIRE AVEC TANT DE MYSTÈRE,
 QUE L'AMOUR ÉTERNEL EN VOTRE ÂME CONÇU
 ET UN MAL SANS ESPOIR, UN SECRET QU'IL FAUT TAIRE,
 ET COMMENT SUPPOSER QU'ELLE N'EN AI RIEN SU ?
 NON, VOUS NE POUVIEZ POINT PASSER INAPERÇU,
 ET VOUS N'AURIEZ PAS DÙ VOUS CROIRE SOLITAIRE.
 PARFOIS LES PLUS AIMÉS FONT LEUR TEMPS SUR LA TERRE,
 N'OSANT RIEN DEMANDER ET N'AYANT RIEN REÇU.
 POURTANT, DIEU MIT EN NOUS UN CŒUR SENSIBLE ET TENDRE,
 TOUTES, DANS LE CHEMIN NOUS TROUVONS DOUX D'ENTENDRE
 LE MURMURE D'AMOUR ÉLEVÉ SUR NOS PAS
 CELLE QUI VEUT BESTER À SON DEVOIR FIDÈLE
 S'EST ÉMUE EN LISANT CES VERS TOUT REMPLIS D'ELLE.
 ELLE AVAIT BIEN COMPRIS... MAIS NE LE DISAIT PAS.

Một nữ giáo viên là bà N. T. G đọc bài thơ dịch ở trên, dịch nổi bài dưới như sau:

Bạn rằng: một khối u-tình,
 Nào tâm nào trí mà thành thiên-thu.

Tình vô vọng, chôn sâu tắc dạ !
 Chắc đâu rằng người đã không hay ?
 Vả chẳng người đẩy ta đây,
 Can chi phiền nỗi tháng ngày chiếc thuyền.
 Giống đa tình cõi trần bao kẻ,
 Đường ái-ân xá kẻ niềm riêng.
 Dễ dàng là tình thiên nhiên,
 Đố ai chẳng thích người khen yêu mình !
 Chữ tiết-liệt đoan-trình tạc-dạ,
 Mỗi cương thường đạo cả muôn năm.
 Cảm chàng nặng khối tình thâm,
 Ngậm câu giai-tác, thương thầm ... làm ngơ.

— Giá bài đó thực là lời bà Nodier đáp chàng Arvers như thế thì lý-thú biết bao. Đáp một bài cho chàng như vậy rồi dần dần có ... làm ngơ đi nữa tất chàng cũng cam lòng. Ấy, trong văn tây phần nhiều các thi-nhân đều hay ngâm vịnh những cuộc ân-ái đắm-thắm, những nỗi phở thương não-nùng, hoặc những nỗi đoan trường, những tình tuyệt-vọng khát khe như thế cả. Nhưng bài nào tình-tứ cũng thiết-tha, tư-tưởng cũng dỗi-dào hết thảy.

Những bài thơ được cả văn, được cả tư-tưởng mới là hoàn-toàn. Văn chỉ là cái áo phủ ngoài cái tư-tưởng mà tư-tưởng mới là phần chính để sống. Hay là nói về thơ thì hai phần đó là âm điệu và tình-tứ, tư-tưởng. Tình tứ, tư-tưởng là phần tinh thần, còn âm-điệu là phần hình thức. Nếu một bài thơ âm-điệu được hoàn toàn mà tư tưởng không có cũng không thể là một bài thơ hay được. Mà theo lời của GUYAU, đến cái ngày mà hầu khắp các thi-nhân chỉ coi mình như người thợ chạm ngồi tỉ mỉ chạm những cái chén nhỏ bằng vàng giả, trong không có một giọt tư tưởng cho người ta uống, thời cái ngày ấy chỉ còn hình ảnh của thơ mà không còn thơ nữa, chỉ còn cái thân thể của thơ.

mà không còn tinh thần của thơ nữa vậy : thơ đến ngày ấy thì đi đời thơ mất. (*Quand les poètes ne se considèreront plus que comme des ciseleurs de petites coupes en or faux, où on ne trouvera même pas à boire une seule pensée, la poésie n'aura plus d'elle-même que la forme et l'ombre, le corps sans l'âme ; elle sera morte.* GUYAU).

Vì sợ cái ngày ấy đến thực chẳng mà các thi nhân Pháp làm thơ ít thấy có bài rộng ý. Bởi thế tôi có dịp lại muốn trở lại nói thêm về thơ Pháp và giới thiệu lần lần những bài thơ trứ danh của những thi nhân có tiếng, nó là những quả lạ và quý trong rừng thơ Pháp . . . hoặc cũng là có đôi phần ích cho ta.

Tràng-Kiều
LÊ TÀI-PHÚNG



CUỘC THI TIỂU-THUYẾT CỦA HỘI TRI-TRI NAM-ĐÌNH

Xin nói đề các bạn làng văn biết rằng hội Tri-tri Nam-Định có mở một cuộc thi tiểu-thuyết, mục đích là muốn gây cho cái phong trào yêu chuộng quốc-văn ngày thêm hưng thịnh.

Ai muốn dự thi phải làm một chuyện bằng quốc văn về tâm-lý hay về phong tục xã-hội, ngắn nhất là 30 trang giấy khổ lớn (papier écolier) viết một mặt để marge một nửa.

Hạn nhận đến 31 Décembre này là cùng.

Cuộc thi này có ba giải thưởng :

Giải nhất : một bức hoành tri giá 20\$

Giải nhì : một bức thêu tri giá 15\$

Giải ba : một bức thêu tri giá 10\$

Các bài thi cứ gửi đến ông chánh hội-trưởng hội Tri-tri Nam-Định.
Hội Tri-tri lại cáo

MỘT BỨC THƯ CÙNG TAN-ĐÀ TIỀN-SINH

Từ ngày Văn-học tạp-chí được Tiên Sinh giúp, chúng tôi nhân đó mà nghe được nhiều điều phát minh, nhưng tựu trung còn có chỗ chưa hiểu rõ, giám xin hỏi lại :

A.- Ở Văn-học số 20, về bài thơ bà huyện Thanh-Quan có hai câu :

« Nhớ nước đau lòng con quốc quốc.

« Thương nhà mỗi miệng cái gia gia ».

Lâu nay tôi còn nghe họ đọc là :

« Luyện chúa đau lòng con quốc-quốc.

« Kêu người mỗi miệng cái gia gia.

Chữ « chúa », chữ « người » tuy không sát với chữ « quốc, gia » nhưng chữ « luyện, kêu » thì có hô ứng với chữ « lòng, miệng » Nay nghe tiên-sinh giải ra chữ « nước » chữ « nhà » đề cho sát nghĩa chữ « quốc gia », đọc ra vẫn thú vị thật tuy chữ « thương » có chung-chênh chữ « miệng » mà cũng không ngại gì ; thế mà tôi lại còn có hồ

ngi nơi chữ « nhớ nước » và « thương nhà » nữa :

1.) Theo như thói quen, người ta thường nói: thương nước bởi chữ « Ái-quốc » và nhớ nhà bởi chữ « tư-gia » Vậy sao bà Thanh-Quan không đặt :

« Thương nước đau lòng con quốc-quốc »

« Nhớ nhà mỗi miệng cái gia gia » cho xuôi.

2) Theo trong cổ-diễn thi Thục-đế (hóa ra con quốc) bị mất nước, chứ có phải lưu lạc ra nước ngoài đâu mà gọi là nhớ nước. Bà Thanh-Quan đương thời có cái lòng cảm khái đối với thời cục, thì cũng nên dùng chữ « Thương nước » là phải.

3.) Bà Thanh - Quan đi đường qua Đèo-ngang, nghe chim kêu mà nhớ nhà là phải, sao lại không dùng chữ « nhớ nhà » Vả nhà bà huyện Thanh-Quan đương thời cũng là một nhà phú quý, thiết tưởng không có tình cảnh gì đáng hạ chữ « thương nhà ». Vậy sao bà không đặt là :

Thương nước đau lòng con
quốc quốc,
Nhớ nhà mỗi miệng cái gia
gia.

Hai chữ ấy chúng tôi còn
chưa được hiểu lắm, xin
Tiên-sinh giảng giải cho.

X

B.-Ở Văn-học số 19 về bài
«Qua cầu Hàm Rồng cảm tác»
của Tiên sinh, trong có câu:
Trăm năm then một chữ hồng
Câu ấy tôi chưa hiểu nghĩa
chữ “Hồng”.

Lại câu cuối cùng: “Cảnh
còn biếc nước, xanh con”
Thưa Tiên sinh! Sao Tiên
sinh không đảo ngược câu
đầu lại là “Còn trời, còn
nước, còn non” làm thủ vĩ
ngâm, thuận nghịch đọc cho
vui? Hay là Tiên-sinh muốn
lưu dư ý lại đề lần khác
mà nối theo, thì sao không
dùng ngay câu Kiều:

“Dầu rằng sông cạn đá
mòn” cho sát cảnh qua cầu,

mà lại dùng chữ “còn nước
còn non” cho điệp ý.

Thưa Tiên sinh! Chúng
tôi xem thơ văn ai mà
không hiểu thì bỏ qua đi
được, chứ xem thơ Tiên
sinh mà có chỗ không hiểu
thì không tài nào bỏ qua
đi được. Người ta thường
nói: làm ra thì khó, chứ
nói thì dễ. Nhưng tôi thiết
tưởng muốn nói cũng khó
lắm. Vì nói mà không đúng
lại thêm trò cười cho người
ta. Ấy tuy ngại thế mà cứ
đề trong lòng mãi thì khó
chịu lắm; mà càng nghĩ lại
càng thêm khó hiểu. Vậy
mới viết ít lời xin hỏi lại
Tiên-sinh, dám xin Tiên-sinh
bớt chút thì giờ quý hóa
mà trả lời cho hai câu hỏi
trên. Chúng tôi chỉ xiết vui
mừng.

Nay kính

La-Loan TRẦN-VĂN-KHÂM



BÌNH LUẬN THƠ CỎ

CHỢ TRỜI

(của HỒ - XUÂN - HƯƠNG)

Hóa công xây đắp biết bao đời :
Này cảnh Sài-sơn có chợ Trời.
Buổi sáng sương tan, trưa nắng giải ;
Ban chiều mây hợp, tối trăng soi.
Bầy hàng hoa quả tư mùa đủ,
Mở phố giang san bốn mặt ngồi.
Bán lợi mua danh nào những kẻ,
Thử lên mặc cả một đôi lời.

X

I. — Bài thơ này tương truyền là của một vị nữ-sĩ, là Hồ-xuân-Hương, có người lại bảo không phải là thơ của Xuân-Hương, cho rằng: thơ Xuân-Hương phần nhiều đều có cái giọng lảng lơ dĩ-dĩ, không đâu có được lời thơ thanh nhã trang trọng như bài thơ “Chợ Trời” này. Nhưng đó mới là cái nghi-án, đã chắc đâu được, Nay ai nấy đều bảo là của Xuân-Hương thì ta cứ tạm tin là của Xuân-Hương. Vậy ta nên xét coi con mắt nhà nữ-sĩ quan-sát cảnh chợ Trời và cái quan-niệm của nữ-sĩ đối với chợ Trời như thế nào.

II. — Đầu bài là *Chợ Trời*. Vậy thì *Chợ* ở đây là cảnh đặt ra mà *Trời* mới là cảnh có thực ; chợ là tiếng mượn để kêu tên cảnh Trời, mà Trời là cảnh thực để điểm trang cho cảnh chợ. Tác-giả đã nhận như thế rồi, cho nên trong bài thơ, tác-giả mượn cảnh chợ mà dựng cốt, làm sườn cho cảnh Trời, rồi đem cảnh Trời làm màu, làm sơn, làm cái áo ngoài phủ lên cho cảnh chợ. Cách lập ý, lập-luận như vậy thật đặc-thể và đặc thể lắm. Nghe cái thể-thế đã thấy bài thơ vững vàng rồi, nay ta xem đến cái khéo của tác - giả trong khi phô diễn:

III. — Ở câu đầu, tác-giả nói ngay Chợ trời là một cảnh chợ thiên-nhiên thiên-cổ, không phải là cảnh chợ nhân-tạo mới đây: “*Hóa công xây đắp biết bao đời*”. Tuy không dùng đến chữ Trời mà đã hàm có nghĩa là cảnh Trời rồi. — Ở câu thứ hai, tác-giả nói ngay đến cái vị-trí của cảnh chợ “*Này cảnh Sài-Sơn có chợ Trời*” (Sài-sơn cũng gọi là núi Chùa-Thầy, ở phủ Quốc-Oai tỉnh Sơn-Tây, Bắc-Kỳ). — Ở câu thứ 3, và thứ 4, tác-giả mới tả đến cảnh. Chợ có những cảnh gì? Không phải là người mua bán tan chợ, họp chợ, mà là “*Buổi sáng sương tan; ban chiều mây họp*”, trưa có nắng, tối có trăng. — Ở câu thứ 5 và câu thứ 6, tác-giả tả đến vật bán ở chợ và cảnh chung quanh chợ: vật bán thì có hoa quả bốn mùa không bao giờ hết, chung quanh cũng có phố-phường tức là những núi những sông ở chung quanh đó. — Ở hai câu 7, và 8, tác-giả kết luận rằng: Chợ Trời so với chợ trần cũng chẳng khác là bao nhiêu, cũng hoa cũng quả, cũng phố cũng phường, duy có khác là ở đấy hai món lợi và danh thì tìm đâu cũng không thấy. Vậy ai là người còn muốn “*bán lợi mua danh*” thì đừng đến chợ này; vì khách danh lợi lên đây có mặc-cả một giá cao bao nhiêu nữa cũng không mua cho có được. Vậy những ai muốn đi chợ Trời đây trước hãy nên bỏ cái lòng bần khoản áy-náy về sự cầu lợi cầu danh đi đã. Lời kết-luận rất là có ý vị, bình như tác-giả bảo người đời rằng: nếu cái lòng tục mà còn nhiều thì đừng đến cảnh tiên làm gì, vì dầu ở trong cảnh tiên nữa, cái thân mình nó cũng chẳng tiên gì đâu. Muốn tiên thì nên tiên cái lòng mình trước đã, rồi mới tiên cái thân mình được.

IV. — Trong bài này, tác-giả chỉ tả về cảnh chợ, nên tác-giả cố-ý dùng những chữ “*tan*”, “*hợp*”, “*bày hàng*”, “*mở phố*”, “*bán*”, “*mua*”, “*mặc-cả*” (tiếng Bắc-Kỳ, mặc-cả là trả giá để mua một món hàng) mà chữ nào tác-giả dùng cũng tự-nhiên, không có gò gáp sống-

sương một chút nào. Đã là tả cảnh chợ mà không có những chữ đó thì sao cho ra cảnh chợ, nhất là hai chữ “mua” “bán” và hai chữ “mặc-cả”. Bốn chữ này tác-giả dùng một cách rất tài tình làm linh động cả bài thơ, nếu những thợ thợ non thì bốn chữ kia tất là dùng sớm ở mấy câu đầu rồi. Ở đây, tác-giả lại không thể, tác-giả đợi đến khi có cái địa-vị xứng đáng bấy giờ mới đặt vào. Đặt chữ trong bài thơ vì cũng như dùng gỗ để làm nhà. Những tay thợ non thấy khúc gỗ tốt liền vớ lấy ngay mà chạm cái cửa vồng, yết lên trước ngõ, hay làm những lan can, cửa sổ chung quanh, đến khi làm vào trong thì đã hết gỗ tốt, cái nhà hỏng. Những tay thợ sành thì không thế; thấy khúc gỗ tốt thì nghĩ ngay đến cái công dụng của nó ở địa-vị nào cho xứng đáng. Ở trước ngõ, ở chung quanh thì dùng những gỗ thường cũng đủ rồi; chỉ những cột cái xuyên ngang khiến cho cái nhà nhờ đó mà vững chắc thì phải dùng đến những gỗ tốt, thấy nó thì phải cất giữ nó lại để khi dựng nhà mà đặt nó vào cái địa vị cho xứng đáng. Chữ “mua” chữ “bán” và chữ “mặc-cả” trong bài thơ này vì cũng như 4 khúc gỗ rất tốt trong cảnh nhà tưởng tượng kia vậy. Vì thế cho nên tác giả để dành lại đến hai câu sau cùng mới lấy dùng để đóng với hai chữ “lợi” và “danh” thành ra bốn chữ “bán lợi mua danh” và hai chữ “mặc-cả” là có lực. Xem thế thì thấy khi làm bài thơ, tác-giả đã dụng nhiều công phu lắm.

V.— Rất đáng tiếc là tác giả không tìm được, mà cũng khó tìm cho có được, chữ nào đem thay cho chữ «giãi» (nặng giãi) chữ «soi» (trắng soi) và chữ «ngồi» (bốn mặt ngồi). Ba chữ ấy đáng lẽ phải dùng những chữ thuộc về cảnh chợ búa như chữ «tan» chữ «hộp» chữ «bày hàng» chữ «mở phố» thì mới thực là hoàn toàn. Nói về chữ «giãi» và chữ «soi». Ở trên, tác giả nói: “sương tan” “mây hộp”. Chữ “tan” thường dùng để nói về sương

và chợ, như nói “sương tan” “chợ tan”; chữ “hợp” cũng thường dùng để nói về mây và chợ, như nói: “mây hợp” “chợ hợp” rất tự nhiên. Đến như chữ “giãi” và chữ “soi” thì chỉ dùng để nói về nắng và trăng mà thôi, không nói về chợ được. Có người bảo tôi: có bản chép là “nắng đến” và “trăng chơi” để đối với “tan chợ” “hợp chợ”. mới nghe thì hình như phải và hay, nhưng xét lại hai chữ “đến” và “chơi” không được tự nhiên, nghe rất gò gáp sống sượng. Như trên đã nói, cảnh chợ là cảnh mượn mà cảnh trời là cảnh thực. Hai chữ “tan” và “hợp” đều gọi được cảnh thực lẫn cảnh mượn rất hay. Đến như hai chữ “đến” và “chơi” thì chỉ gọi được cảnh mượn mà không gọi được cảnh thực. Hai chữ “giãi” và “soi” thì cũng chỉ gọi được cảnh thực mà không gọi được cảnh mượn. Tuy thế, nên nhận hai chữ “giãi” và “soi” làm hơn vì đóng ở sau chữ “nắng” và chữ “trăng”; nói “nắng giãi” “trăng soi” nghe nó rất tự nhiên, không ngượng tai. Lại nên nhận hai chữ đó vì cốt bài thơ này là chú-trọng về cảnh thực hơn!— Chữ “ngồi” ở câu 6 thì kém quá. Vì có ai nói “Kìa cái phố nó ngồi kìa” bao giờ đâu. Một là nghe nó ngượng tai, hai là đối với chữ “đủ” (từ mùa đủ) ở câu trên không cân chỉnh.

Ấy cái chỗ hỏng của bài thơ, hoặc nói là cái chỗ khổ tâm của tác-giả mới phải. Tôi và các bạn đã thấy đó rồi, thấy đó thì chỉ có đối với chỗ đó mà ngậm ngùi tiếc như cái ngậm ngùi tiếc cho cái vết ở trên « hòn ngọc » vậy.

ĐÔNG-HỒ
(Hà - Tiên)



DỊCH PHÁP VĂN

Travail et progrès

Travaille, c'est la loi, mais rappelle-toi en travaillant, que l'humanité dont tu fais partie n'est qu'une immense collaboration. Quand tu es venu au monde, à cette date du temps, tu as trouvé, rangé autour de ton bureau, l'immense mobilier intellectuel et matériel de toutes les inventions et toutes les richesses de la civilisation.

D'autres avaient donc fait ces choses avant toi et pour toi, à leur insu ; puisqu'ils les ont transmises, en quelque sorte, à ton usage, grâce à ce legs anonyme de millions de générations autrefois disparues, tu penses aujourd'hui en un tour d'horloge six mille ans de pensées, et tu profites, au sortir de ton berceau, de six mille d'épargnes.

Eh bien ! Par toutes ces découvertes de nos pères inconnus, replongés dans la nuit, par toutes ces richesses gratuites accourues en quelque sorte à ta rencontre du

Cần cù và liến thủ

Anh phải làm, ấy là công lệ, nhưng lúc làm, anh phải nhớ rằng xã hội anh ở chẳng qua là những người cùng nhau làm lụng một công việc nhón nhao vô cùng. Lúc mới lọt lòng, anh đã thấy ở quanh biết bao nhiêu là sự lập thành vì trí khôn biết bao nhiêu sự phú-túc vì lẫn bộ. Vậy biết bao nhiêu kẻ tiền bối đã làm nên công việc để lại đó. Vì người di truyền lại cho anh nhờ được của cho vô danh của những người dĩ vãng hóa bấy giờ trong có một lúc, anh biết hết ý tưởng trong mấy ngàn năm, và mới lọt lòng ra anh đã được hưởng cái hạnh phúc từ bấy lâu.

Thế thì bởi sự khai hóa của người dĩ vãng không biết tên, bởi những công của tự nhiên được tự đời xưa để lại cho anh thì anh phải

fond des siècles passées, rends à l'humanité, dans ta mesure, ce que l'humanité t'a donné à ta naissance, paye la dette de l'ancêtre, mets à la masse, apporte lui ton concours d'œuvres et d'idées.

E. PELLETAN

* *

Pourquoi ?

Ce soir, dans le silence de la nuit, j'entends une petite voix qui sort des rideaux blancs du berceau. L'enfant rêve souvent tout haut, prononce des bouts de phrases; aujourd'hui, un simple petit mot: "pourquoi" pauvre interrogation d'enfant destinée à rester à jamais sans réponse! Il reprend son rêve, le grand silence de la nuit recommence. Nous aussi, nous disons en vain: Pourquoi? Jamais, jamais notre question ne recevra cette dernière réponse. Mais si le mystère ne peut être complètement éclairci, il nous est pourtant impossible de ne pas nous faire une représentation du fond des choses, de

găng sức giả nợ cho nhân loại những cái mà nhân-loại đã cứu giúp cho anh; anh phải trả nợ cho ông cha; anh phải lấy cái ý tưởng là công việc của anh mà giúp cho nhân loại.

HOÀNG-CƠ ĐÌNH

Tri-Huyện

Bắc - Giang

* *

Tại sao ?

Trong lúc ban đêm yên lặng, ở bức rèm trắng quây cái giường của con trẻ, chợt có tiếng thổ thổ đưa đến tai tôi. Trẻ con thường nói mơ, nói không thành câu; hôm nay nó chỉ nói có hai tiếng « Tại sao ? » Ngán thay, câu hỏi ngây ngô, không bao giờ có người đáp lại. Rồi trẻ lại mơ màng. Đêm lại yên lặng như cũ. Ngay chúng ta đây, chúng ta cũng cứ hỏi hoài: « Tại sao ? » chẳng đời nào câu ta hỏi, có ai đáp quyết một nhời được. Nhưng mà dù những điều huyền-bí của tạo-hóa không thể soi tỏ được hẳn cả, song đâu ta lại chịu khoanh tay mà không đem khối óc nghĩ ra để hiểu cái nguyên-ủy của vạn vật.

ne pas nous répondre à nous mêmes dans le silence morne de la nature. Sous sa forme abstraite, cette représentation est la métaphysique ; sous sa forme imaginative, cette représentation est la poésie. Voilà pourquoi le sentiment d'une mission sociale et religieuse de l'art a caractérisé tous les grands poètes de notre siècle.

Quand les poètes ne se considéreraient plus que comme des ciseleurs de petites coupes en or faux où l'on ne trouvera même à boire une seule pensée, la poésie n'aura plus d'elle-même que la forme et l'ombre, le corps sans l'âme : elle sera morte. GUYAU

Tạo-hóa đã không đáp ta thì ta phải tự tìm cách mà giả lời ta vậy. Cách giả lời ấy, về phương-diện trừu tượng là khoa siêu hình học, về phương-diện tưởng tượng là thơ. Bởi vậy nên các nhà thi-sĩ ở thế-kỷ này ai cũng nhận có thiên-chức xã-hội và tôn-giáo.

Vì đến khi nào các thi-sĩ ấy chỉ tự coi mình như những người chạm chổ những chén bằng vàng giả trong không đựng một chút tư tưởng nào, thì thơ sẽ chỉ còn được cái hình, cái bóng, chỉ là cái sắc không hồn : thế là thơ sẽ bị tiêu-duyet.

N. Đ. H.

tức

TĨNH-HIÊN tập dịch



VĂN THƠ

THƠ VĂN CỔ

Thơ cụ Tam-Nguyên Yên-Bổ

(Tiếp theo số trước)

Thơ lục bát

XVI – BÀI CHÚC THỌ BÀ HOÀNG-TAM-ĐĂNG

(làm hộ)

SƠ HIẾN LỄ

Một mừng non nước vùng ta,
Núi Gôi trăm trượng, bể Nha nghìn tầm.
Có khi giăng tối mưa dầm,
Trăm năm để một tiếng cầm sông Tương.
Chữ rằng: « Thọ khảo bất vương »

Á HIẾN LỄ

Hai mừng gặp thuở nhiều lo,
Nhiều lo giờ lại thêm cho tuổi giờ.
Giờ cho nhưng cũng tại người,
Mảnh son còn tác muôn đời chưa quên.

CHUNG HIẾN LỄ

Ba mừng tiệc thọ ngày xuân,
Áo ban vẽ rạng giấm phần hương bay.
Đào tiên trong mấy lần mây,
Vén mây lên bể thứ này là ba.
Chữ rằng: « tích thiện chi gia »

* * *

XVII – CHÚC THỌ MẸ BẢY MƯƠI TUỔI

(Làm hộ người làng Tam-quan)

Một mừng tích thiện chi gia,
Phải phiu đường nghĩa, rườm rà cõi nhân.

Ăn thừa khắp đến hương lân,
 Công danh nức tiếng thánh nhân soi lòng.
 Biền đề « Thiện tục khả phong »

Hai mừng đa thọ đa nam,
 Thần hôn đủ lễ, chân cam trái mùi.
 Bảy tuần tóc bạc da mồi,
 Đào đông vừa tới, chén mời gặp khi.
 Thi rằng « Thọ khảo duy kỳ »

Ba mừng đa tử đa tôn,
 Chi lan khắp cửa vàng son đầy nền.
 Phúc nhà từ đó mà lên,
 Kính dâng một tiệc tỉnh liền mười thu.
 Dịch rằng « Giới phúc thụ vu »

NGUYỄN-KHẮC-HỒNG
 sao lục

THƠ VĂN KIM

NHÂN NGƯỜI CHO NHỖN KÍNH CẢM TÁC

Còn muốn ngo ngoe nói chuyện đời,
 Mắt này há phải kém con người.
 Người e vãn cảnh đưa gương tới;
 Ta găm phù sinh mở miệng cười.
 Muôn quyền kỳ thư đời cũ mới,
 Một bầu nhiệt huyết lúc đây vui.
 Từ nay treo kính ngâm Đào, Tạ (1);
 Thuyền đạo năm hồ đứng đỉnh chơi! ...

Vân Hải LÊ - KẾ - XUÂN

1) Đào-Tiềm, Tạ-Linh-Vận là hai ông thi nhân đời Tấn, Lối thơ thanh cao nhàn nhã, rất có ý vị, tôi sinh bình vẫn lấy làm thích.

SẦM - SƠN GỬI BẠN

Sóng bạc lô xô, nước lộn trời,
Thuyền ai thấp thoáng tit ngoài khơi.
Lênh đênh rẽ sóng về đâu đó ?
Về Bắc nhờ ta nhắn mấy nhờ.

Mấy nhờ nhắn hỏi bạn văn thơ,
Bóng nguyệt vì đâu lúc tỏ mờ.
Mây biếc vẫn màu xanh biếc nọ,
Mà sao sóng lại bạc đầu phơ. . .

Phơ đầu sóng bạc vỗ sườn non,
Theo với thời gian đá cũng mòn.
Riêng nghĩa chi-lan còn mãi mãi,
Trăm năm ôm giữ tấm lòng son.

Lòng son chung thủy nghĩa kim-lan,
Tình cảm sau xưa vẫn chứa chan.
Hồn mộng mơ màng khi gặp mặt,
Tĩnh ra nghĩ đến mộng muôn vàn.

Muôn vàn tiếc nhớ cảnh năm xưa,
Nhớ lúc cùng ai họp sớm trưa.
Mây nước khơi vơi chia rẽ lối,
Bấm tay tình đã một năm thừa.

Năm thừa đã quá biết chẳng là,
Thành Bắc mịt mờ bóng nhận xa.
Săn gió, thuận giòng, buông lá thắm,
May ra trôi tới tới lâu hoa.

Lâu hoa mờ tỏ lúc canh thâu,
Bóng nguyệt chênh chênh sẽ góc lầu.

— « Kia ngọn sóng đào trôi lá thắm,
Hãy xin kéo phụ tấm lòng nhau ».

Lòng nhau gợi lẫn với tờ mây,
Ai thấu cho ai những lúc này.
Sóng biển trập trùng thông réo rắt,
Bên trời riêng đề khách tình say.

Say tỉnh băng khuâng trạnh nỗi lòng,
 Lệ sâu chan chứa nước minh - mông.
 Nước trôi mây tản đời tan hợp,
 Trăm sự thôi đành tự hóa-công.
 Hóa - công sao khéo khéo cơ cầu,
 « Góc biển bên trời ? gheo cọt nhau.
 Thôi thế đành thôi ! ngao ngán nhẽ,
 Nhận về gởi bạn lấy dăm câu.

Sầm-Sơn — 1933

Đỗ-Huy-NHIỆM

* *

HÁT NÓI

GẶP BẠN HIỀN

MIẾU

Hữu tình ta lại gặp ta,
 Tương tri nhường ấy mới là tương tri.
 Khắc xương ghi tạc xiết chi !
 Tấm riêng riêng những nặng vì nước non.

Nói

Nghĩa cố cựu trọng tình hữu ái,
 Có năng đi lại mới toại lòng nhau.
 Đã tri âm đồng khí tương cầu,
 Nhời son-sắt trước sau đâu dám nhãng.
 Đông-bích kề vai ngồi bạn giảng
 Nam-huân khoác cánh đứng thừa lương.
 Chốn nhà lan bát ngát mùi hương,
 Bao xiết kể lúc chén vàng khi tiệc ngọc.
 Tâm sự chân tơ cùng kẻ tóc,
 Kiếp phù sinh lẫn lóc tình tình tang . . .
 Đã lòng quân tử đa mang,
 Ở sao cho vẹn mọi dàng thì nên . . .
 Trăm năm dễ gặp bạn hiền.

Chu-Hà thi-tập

ĐOÀN - THIÊN

TIỂU - THUYẾT

ANH TU' LONG

Bốn giờ chiều. Trên con đường hàng Tiệm, anh Tư-Long rảo sảng bước về nhà. Chạy độ 24, 25, anh Tư người trông mảnh dẻ, ra dáng học trò, mà nếu không có bộ quần áo tây xanh lốm đốm dầu, đôi giày tây trắng cũng nhuộm màu than và nhất là hai chiếc tay nhỏ-nhắn nhưng gân-guốc, sạm, bóng màu rỉ sắt, thì đổ ai dám bảo anh là dân « thợ nguội ». Nhưng chớ thấy người anh thế mà bảo rằng yếu, một chiếc xe « pho » 6 chỗ, một mình anh đẩy được như chơi ; mà từ cái buổi loạn đá ở bến tàu, một chân đá ngã hai thằng phu « bát-tê », hai tay quăng xa hai dó gạo, thì trong làng lao-động ai còn không biết cái sức « vật hổ » của anh Long. Làm « thợ nguội » như anh, mà ... mỗi tháng 11\$, ở trọ nhà bà Cả Bách mất 5\$, tiêu về quần áo,

vật-vãnh 2\$, chỉ vừa vặn còn 4\$, tháng tháng gửi về quê đỡ mẹ, kẻ cũng đã là người có nết.

Về gần tới cuối phố, anh Long rẽ ra lối đường goòng, đến giầy nhà lá, thì vào chiếc nhà đầu nẻo. Ba căn nhà hẹp vách đất cửa phen, nhà bà Cả Bách thực hợp với khu đất hẻo lánh này. Anh Long về tới nhà, vui vẻ, cởi áo vắt lên chiếc ghế tre, chạy qua vào trong bếp, rồi ra cởi giày ; đoan, ngồi sắp chân bằng tròn lên giường, với tay lấy chiếc đàn bầu xuống gảy vài bài. Tiếng đàn của anh nhất, khoan, trầm, bổng ... nghe rất ai oán, não-nùng.

Bỗng từ ngoài cửa, một cô thiếu-nữ bước vào, vừa cười vừa nói :

— Đã Hành-vân, Lưu-thủy rồi !

— Về, ngồi buồn gảy vài câu « sáo » để đợi cơm ấy mà.

— Anh giảy tôi đàn bầu với nhé !

— « Làm thân con gái, chớ nghe đàn bầu », nghe cũng đã quá, còn muốn học nữa kia à ?

— Nói đùa đấy chứ ! À này, bài học hôm qua thuộc rồi ; viết thêm cho tôi mấy vần nữa ...

Anh Long thôi gảy đàn. Rồi hai người trông nhau một lúc lâu không nói. Cò Tân (người thiếu-nữ đó) vội chạy đi lấy sách ... mang ra.

* *

— Thôi Tân, con vào dọn cơm, bà Cả Bách bảo con xong, quay lại nói với anh Long :

— Anh bảo em Tân chóng biết quá ... Mà tôi xem anh cũng thông minh, ... đại quá, giá chịu khó học nữa rồi thi đỗ, bỏ ra làm ông Tham chả danh-giá ư ?

— Vâng, danh - giá thực, song con nghĩ làm người ta danh giá có phải là ở chức tước, nghề nghiệp bề

ngoài đâu, — nếu một quan Tham hay một thằng Thợ đều làm đầy đủ bổn phận của nghề mình và bổn-phận của người dân trong nước, thì chút bỏ hư danh, Tham và Thợ đều danh giá bằng nhau vì đều là những người có ích cho xã-hội cả.

— Vâng biết thế, nhưng cứ tình thực ra, nếu nay làm ông ký, anh lương tháng bao nhiêu, và làm anh thợ kiếm công nhật được mấy đồng ?

— Vâng, làm ông ký tiền nhiều thì đã hẳn. Nhưng con không có chí xuất đời cạo giấy, nên sợ cứ tự ép thân vào làm thì tất không làm chọn nghĩa vụ, thành ra không đáng tháng lĩnh số lương kia, con lấy thế làm nhục, nên con không dám xin đi làm.

— Chà ! ở đời này, ai cứ « đạo đức » là người ấy đại, họ có nghĩ như mình đâu ! À năm nay anh bao nhiêu tuổi rồi nhỉ ?

— Con tuổi tuất, năm nay đúng 25.

— Ấy đấy, 25 tuổi mà chưa vợ con gì ! Giá anh có ra

làm việc nhà nước, dù công việc anh làm không trọn mặc lòng, anh bây giờ cũng đã có vợ đẹp con khôn rồi đấy. Anh nên biết rằng bây giờ con gái người ta háam mảnh bằng, cũng như con gái các anh háam vợ đẹp, con nhà giàu . . . nên những hạng như các anh bây giờ ít người lấy được con nhà tử tế.

— Vâng, nếu bà cho rằng những cô gái đẹp, con nhà giàu, có nhà làm của hồi-môn toàn là con nhà « tử-tế » thì câu nói ấy đúng lắm. Ấy bà hẳn cũng đã thấy chán các cô con nhà « tử tế » ấy chỉ vì thế mà chả kén được những ông Đốc giả, Tham giả, cùng những ông có tài thực nhưng mà vô hạnh ! . .

— Vẫn biết thế, nhưng bây giờ người ta đều thế cả, ở đời thì phải theo đời chứ !

— Vâng, nhưng hôn-nhân nào có phải một việc có thể « theo đời » được. Minh lấy vợ là lấy cho mình, chứ có lấy cho mảnh bằng của mình đâu. Nếu vợ chỉ háam mình vì mảnh bằng thì biết đâu bây giờ lấy thầy ký,

mai kia lại chả muốn lấy quan tham, — cái ách trong gia-dình thật đã bày ra trước mắt. Có nhẽ vì thế mà cụ Khổng ngày xưa chỉ giầy rằng « học » đề mà « hành » chứ không giầy đến câu « học » đề mà « kiếm gạo » cùng câu « học đề mà lấy vợ » !

— Anh gàn chết đi ấy, nói chuyện với anh tức lắm, tôi đàn bà ngu dốt chỉ . . .

Một tiếng bát vỡ trong nhà kêu loảng soảng, làm cho bà Cả đương nói phải chạy vào, để riêng anh Long ngồi một mình nghĩ ngợi. Anh Tư thở giải ngoảnh vào trong nhà, dăm - dăm nhìn cô Tân đương lúi húi nhặt mảnh bát vỡ, rồi lại thở giải, mồm lăm - bằm :

— Mà có nhẽ mình gàn thực !

* * *

Một buổi kia, giờ đã sẩm tối, ta mới thấy anh Tư về nhà. Nhưng vừa về tới giữa hàng Tiện, anh bỗng thấy có người rào bước đi theo sau, ngoảnh lại thì nhận ra là ông Ký Bích. Ông vừa cười, vừa bảo anh Tư :

— Gớm, bác đi nhanh quá,

tôi theo mãi mới kịp.

— Chào bác ký, tôi vô ý không biết, bác thứ lỗi cho.

— Ồ, chỗ hàng sớm lảng giềng, anh em với nhau cả mà bác làm trịnh-trọng quá. À tôi muốn nhờ bác tý việc.

— Vâng, ta cùng đi mà nói chuyện thì hơn, chớ đứng giữa đường thế này bất tiện.

Hai người thong thả đi về, Tư-Long lặng thinh, đợi ký Bích nói. Ngập ngừng mãi, ký Bích mới lại vào chuyện :

— Này bác ạ, tôi muốn nhờ bác... À, bác có biết tôi bây giờ lương tháng bao nhiêu không?

Ngạc nhiên, Tư Long nói :

— Tôi không được rõ, nhưng chắc bác cũng được đến 6, 7 chục là ít.

— Bác nói quá, đã làm gì được, tôi mới được có 50\$, tuy ít nhưng cũng sung túc rồi. Tôi dành dụm đã đóng cùng được bát họ 3 trăm, còn bát họ 5 trăm thì cũng chỉ còn phải đóng có hai tháng nữa.

Tư Long càng ngạc nhiên, chưa biết ký Bích định nói những gì. Ký Bích thấy Tư

Long chưa hiểu, lại nói tiếp:

— Năm nay tôi đã 24 mà vợ con cũng chưa gì cả bác ạ. Bác giúp tôi nhà !

— Vâng, nhưng giúp gì cơ chứ ?

— Bác vẫn chưa hiểu ! Tôi lương tháng 50\$, đã đề được ít vốn, đến tuổi lập gia-dinh rồi, vả lại đã có kế sinh nhai về sau này, tôi muốn nhờ bác... nhờ bác ở ngay đây, đánh tiếng hộ cho !

Một tia sáng lòa ra như tia chớp trong óc Tư Long. Hắn bỗng đứng dừng ngay lại, đỏ bừng mặt lên, hai bàn tay sắt tì, nắn chặt lên vai ký Bích, tức giận nói to :

— Anh... À anh muốn lấy cô Tân !

Thấy cái thái độ hung tợn của Tư Long, nhân đã đến nhà, ký Bích vội gỡ tay ra chạy về nhà, trước khi đóng chặt hai cánh cửa lại, còn quai cổ ra vừa thở vừa nói :

— Tôi !... Tôi không biết rằng anh cũng muốn lấy cô Tân ! !

Cũng muốn lấy cô Tân ! câu ấy làm cho chàng Tư

Long phải nghĩ ngợi mãi suốt tối hôm ấy. Chàng tự nghĩ :

— Mình cũng muốn lấy cô Tân, lạ nhỉ ! mình có yêu Tân đâu ? Nhưng anh chàng ký khổ ấy sao đáng lấy Tân, mình không muốn thế.

Nghĩ đến đây, Tư Long phải bật buồn cười mà tự nhủ :

— Mình không muốn thế, mình liên can gì vào đấy mà có với không. Hay mình có yêu Tân !

Thực xảy ra việc ấy, Tư Long mới rõ rằng mình làm thợ nguội nhưng quả tim mình nó không là sắt nguội, nó cũng biết mến, biết yêu ! Thực lúc bấy giờ chàng mới biết là yêu . . . là chàng yêu cô Tân, con bà chủ trọ. Về việc ấy, chàng nghĩ ngợi mãi suốt tới 9 giờ, sau nhất định nén hẳn cái ái-tình của mình đi, để cho cô Tân nên được vợ chồng, có được cái gia đình tốt đẹp. Chàng tự nghĩ :

— Phải, mình yêu đã đủ đâu, mình không có thể lấy lẽ rằng mình yêu mà bắt người ta phải khổ vì mình. Kề ra, ký Bích thật là một

món tốt. Có vốn riêng, lương chắc chắn, lại là người « danh giá » trước mắt mọi người thường, lấy cô Tân thực là sướng lắm. Ngoài ra, cần gì, thực như nhờ bà Cả nói, bây giờ người ta đều thế cả. Chỉ có mình là gàn ! Ừ, yêu mà biết bỏ cái tình yêu bèn thấp của mình để cho người mình yêu được hưởng hạnh phúc mới là yêu chứ !

Nghĩ thế rồi Tư Long hăm hở bước sang nhà ký Bích. Giờ đã khuya, nghe tiếng anh Tư Long gõ cửa rầm-rầm, chàng ký Bích tưởng chừng rằng Tư Long vì máu ghen sang giết mình là tình địch. Chàng nhất định không mở cửa chỉ đứng trong nói vọng ra :

— Vâng, có việc gì, sáng mai mời bác hãy sang chơi.

— Việc tôi cần nói cho bác rõ ngay bây giờ.

— Tôi đã chặn cửa rồi, bác cứ nói đi cũng được.

Tư Long biết ký-Bích có ý sợ mình, nên đành ghé vào khe cửa bảo, giọng nói to, rõ ràng, song nghe kỹ thì thấy run run :

— Cái việc bác vừa nhờ chiều nay, sáng mai tôi sẽ nói giúp, Bác chớ ngờ tôi có ý muốn lấy cô Tân đấy...

Theo đúng nhời hẹn, ngày hôm sau, chàng Tư hết sức nói giúp cho Ký Bích Bà cả thì bằng lòng ngay, song cô Tân thì cự tnyệt bảo rằng nhà có một con một mẹ, chưa muốn đi lấy chồng. Từ đó, cả nhà không ai nói gì tới chuyện ấy nữa, song ta đề ý thì như Tư-Long và cô Tân đều có ý muốn tránh nhau.

* * *

Nửa tháng sau, một buổi kia, Tư-Long bỗng đưa cho cô Tân xem một bức thư nhà, và có ý hỏi xem ý kiến cô thì nên sử trí làm sao. Suốt đêm hôm ấy, cô đọc cái thư của mẹ anh Tư gửi cho con, đến mấy trăm lượt, mà khốn nạn, bức thư có gì đâu, chỉ có dăm giòng chữ nhỏ:

« Tư Long,

« Mày đã lớn tuổi, nên lo
« vợ con đi, chứ cứ bông
« lòng mãi thế sao được. Bà
« độ này lại yếu, sống chết
« không biết lúc nào, — Tao
« xem trong làng có cái Ty
« con ông Chánh Bá, nhà danh

« giá, lại con nhà giàu, hỏi
« cho mày thì được ngay. Hôm
« nọ tao đã dẫn đo thử ý, nếu
« mày bằng lòng thì có thể
« ra giềng này, cưới ngay
« được. Ý mày thế nào đánh
« giầy về ngay tao biết ».

« Bà Lý-Hoài, Tân Đệ »

... Rồi cô Tân suy nghĩ những gì, ta không được rõ, chỉ biết đến sáng hôm sau, thấy cô đưa giả anh Tư bức thư, mỉm cười, nói:

— Vẽ chuyện, lại còn phải hỏi, dám ấy chứ dám nào nữa. Gửi thư về bà ở nhà đi thôi. À, hôm qua tôi vô ý để rơi mấy giọt nước vào thư hoen ít chỗ, anh tha lỗi cho nhà!

Tư-Long giở thư ra, trông thấy như có vết lệ giở vào thư, chàng không nói gì, đứng lặng nhìn cô Tân... khẽ lắc đầu, thở dài...

* * *

Hai năm sau, trên bến đò Tân-Đệ, trong chiếc nhà chứa xe vừa làm đại lý dầu Shell kia, dưới ngọn đèn măng sông, ba người vừa ăn cơm, vừa nói chuyện. Trong bọn, ta nhận thấy một người lạ mặt, còn hai người là anh Long và cô Tân.

Người lạ mặt bỗng đề mạnh cốc rượu vang xuống bàn rồi nói, cười lớn :

— Ở kia, nhìn nhau đó ư ? Nghĩ gì mà cũng thần thờ cả ra thế ?

Như người mê chợt tỉnh, cô Tân, bây giờ đã thành bà Tư, sẽ mỉm cười, — mà chàng Tư cũng cười, nói :

— Phải, anh Hải ạ, tôi nghĩ về cái quãng đời hai năm về trước mà buồn cười, không biết rằng nếu không có anh ở giữa xe duyên thì chúng tôi sẽ ra sao ?

— Thì hai anh chị cùng ôm mỗi si tình mà ôm mãi chứ sao ! Kể ra cũng có giới sui khiến ; thực, tự nhiên hôm ấy tôi ở Hảiphong về Nam lại nhớ mà vào thăm anh. Trông thấy cái cảnh hai anh chị cùng ôm, tíu lít nói mê nói sáng mà thương quá. May sao tối hôm sau, vớ được quyền nhật - ký của anh, ngồi xem mới rõ hai tấm ái tình cao - thượng ! Tôi nghĩ cứ nói phăng ra, rồi cùng yêu thì cùng lấy, mỗi lương duyên ấy chưa chắc đã không hay ! Anh chị đã bằng lòng, bà Cả, bà Lý cũng bằng lòng,

thế là công việc xong ! Yêu nhau mà hy-sinh hạnh phúc cho nhau, kể ra như anh chị thực cũng đã là hiếm có.

Cô Tân mỉm cười :

— Ông mới tôi đoán nhầm lắm. Lấy gì làm chứng cơ mà bảo rằng tôi yêu. Tôi chỉ thương anh Long chứ tôi có yêu đâu.

Một tiếng trẻ con khóc trong buồng đưa ra. Bà người đều nín lặng nghe, rồi anh Hải cũng cười mà nói đùa rằng :

— Phải, không yêu nhưng thương ! Thương yêu, hai cái nó vẫn đi liền. Chứng cơ ư ? Gớm nhỉ, thế cái tiếng khóc trong buồng kia là cái gì ?

Cả ba đều vỗ tay cười, thằng bé trong nhà càng khóc. Tiếng khóc, tiếng cười cùng pha lẫn, nhưng cái tiếng khóc đó ta dù tìm kỹ, trong bầu không khí êm đềm, cũng chỉ thấy những giọng mừng vui.

(Chép theo lời thuật của bạn Văn-Tuyền)

LÊ-TRĂNG KIỀU

Dịch Hán-văn

CHÍNH KHÍ CA

của cụ ĐÔNG - HẢI dịch

Bài này là của ông Văn-thiên-Trường đời nhà Tống, đậu Trạng-Nguyên làm đến Tể-tướng; đã về trí sĩ, gặp lúc nhà Nguyên vào cướp nước nhà Tống, ông khởi quân khôi phục, chẳng may bị bắt, giam ở Yên - Kinh. Gặp năm dịch lệ, những tù nhân chết rất nhiều, ông cũng đã hai lần bị cảm, mà không việc gì, ông mới đặt ra bài chính-khí ca, nhờ nhẽ rất khảng khái.

Về sau đời nhà Minh có ông quan bị giam, gặp năm dịch lệ, đem bài này ra đọc cũng không việc gì. Thế mới biết văn chương khảng khái có thể thông được đến quỷ thần, trừ được lệ quý. Nếu ta vẫn thường gặp năm ao rạo, đem bài này đọc hoặc viết vào giấy vàng mà dán, cũng mong đem chính khí mà đánh lui tà khí.

P. Q. T.

X

Vầng chính khí, ở trong giới đất,
Chia ra hình muôn vật trên đời :
Dưới thời sông núi mọi nơi,
Trên thì là những mặt trời, ngôi sao.
Người ta cũng bầm vào khí ấy,
Rằng : « Hiệu-nhiên » đầy rẫy cao xa ;
Nước nhà gặp lúc thái hòa,
Khí lành ngậm nhả, làm hoa cho đời.
Lúc cùng bách, nầy người tiết nghĩa,
Sách rành rành chép đề nghìn thu.
Tề Thái-sử, Tấn Đồng-Hồ (1),
Bút ngay chẳng sợ những đồ gian hung.

1) Người Thôi-Trữ nước Tề, người Triệu-Thuần nước Tấn đều là hai người quyền thần giết vua. Khi ấy quan Thái-Sử và ông Đồng-Hồ cầm bút chép thẳng việc ấy vào sử, chết cũng không sợ.

Dùi Trương Lương (2), nấp trong bãi cát,
Choảng Tần hoàng, một nhát ghê thay.

Hung nô giam giữ bao ngày,
Mà cờ Iô Vũ (3), liền tay không rời.
Nghiêm tướng quân (4), bị người vây bắt,
Thề không hàng, đầu mất thì thôi.

Xe vua Kê-Thiệu (5) cùng ngồi,
Tên hay cam chịu máu tôi ướm đầm.
Trước mặt giặc, hăm hăm mắng chửi,
Miệng Trương-Tuần (6), với lưỡi Nhan-khanh.

Liên-đông thì có Quán-Ninh (7),
Yên thân mũ rách, giữ mình tuyết trong
Gia-cát-Lượng (8) một lòng khảng khái,
Biểu ra quân, quĩ hải thần kinh.

Gỗ chèo còn tiếng Tổ sinh (9),
Tổ thề sông nước quét thanh bụi Hồ.

2) Trương-Lương, bề tôi nước Hán, bị Tần-thủy-Hoàng cướp mất nước, ông cầm dùi nấp trong bãi cát, chờ vua Tần đi qua để đánh; nhưng sau lại không trúng.

3) Tô-Vũ, bày tôi nhà Hán, sang sứ Hung-nô, phải ra chặn dê được ở bãi bễ, vua Hung-nô hẹn bao giờ dê để mới được về. Trong 19 năm, lúc nằm ngồi, ông vẫn không rời cờ tiết của vua Hán ban. Lúc được về, cờ tiết đã rụng cả lông mao.

4) Đời Tam-Quốc, ông Nghiêm Nhan bị tướng Trương Phi vây bắt, thề rằng đầu mất thì thôi chứ không hàng.

(5) Vua Hoài-đế nhà Tấn chạy giặc, ông Kê-Thiệu ngồi cùng xe, lấy mình chắn tên cho vua, đến nỗi máu chảy ra ướm lấy cả áo vua.

(6) An-lộc-Sơn làm phản nhà Đường, ông Trương-Tuần và ông Nhan-kiều-Khanh, cự lại bị bắt, hai ông cứ mắng chửi An lộc Sơn, đều bị hại cả.

(7) Ông Quán-Ninh ở đất Liêu đông, đội mũ vải, mặc áo rách, vua quan với dùng nhất định không chịu ra.

(8) Ông Khổng-Minh phò ông Lưu-Thiện, có bài biểu ra quân nghe rất khảng khái.

(9) Ngũ-Hồ vào làm loạn nhà Tấn, ông Tổ-Địch đem quân sang sông, đến giữa dòng gỗ chèo, trở xuống nước mà nói rằng: Ta không quét thanh được bụi Hồ, thì ta không qua sông này nữa.

Đoàn tú Thực (10), gặp đồ nghịch tặc,
Hốt cầm tay đánh toạc vào đầu.

Mười hai chính khí trước sau,
Khí ngay lăm liệt, càng lâu, càng bền.
Bụng hăng hái sông lên nhật nguyệt,
Chết hay còn, cũng quyết như không.
Cột giới diềng đất không long,
Cương thường đạo nghĩa cũng trong lòng này.

Vận Dương Cửu (11) tả nay trắc trở,
Cũng vì rằng thầy tớ kém thua.

Cam thân buộc mũ ngồi tù,
Giặc Nguyên đưa thẳng, tuyết mù Bắc phương.
Coi vạc búa, như đường rất ngọt,
Những mong sao, được trót cho cam.

Ma tơi lõe lửa buồng giam,
Viện xuân tối mịt lại thêm buồn rầu.
Tàu ngựa Ký, cùng trâu một chỗ,
Chim phụng-hoàng lại đồ với gà.
Từng phen mù tỏa sương pha,
Dã cam tự phận là xa xuống ngòi.
Thế mà đã trải hai ấm lạnh,
Khí tà kia, đã lánh đâu xa.

Thương thay những chỗ bùn sa,
Ta coi như chỗ rất là yên vui.
Nào có chước, đánh lui lệ quỷ,
Chẳng qua là chính khí đó thôi.

Lòng son biết ngỏ cùng ai,
Kìa mây bạc đó, nọ giới xanh kia,
Người hiền triết dẫu về đâu hết,
Mà từ xưa, giấu vết chưa phai.

Trước thêm mở sách ra coi,
Tấm gương cổ đạo rạng soi mặt này.

PHẠM-QUANG-THỤ *saó lục*

(10) Chu-Tĩ chực làm phản nhà Đường, đem bàn với ông Đoàn tú Thực, bị ông cầm hốt đánh vào đầu.

(11) Số Dương đến chín là cùng, vận Dương cửu tức là vận cùng ách.

^{tin tức} ◦ TRONG LÀNG VĂN ◦

NHÀ VĂN - SĨ MAURICE DEKOBRA TỚI NƯỚC TA

Nhà văn-sĩ MAURICE DEKOBRA hiện được thế giới rất hoan nghênh đã đáp tàu André Lebon tới Saïgon ngày 14 Novembre 1933 vừa rồi.

Ông đã đi du lịch rất nhiều xứ mà đi như thế không phải là đi chơi phiếm mà cốt để quan sát nhân vật phong tục hòng soạn sách và viết tiểu thuyết.

Những tác-phẩm của ông như quyển « *Flammes de velours, Gondole aux chimères* » đều có tả nhiều cảnh vật các nơi ông đã qua cả.

Lần này ông ghé Saïgon rồi sẽ đến thăm mấy đô thành lớn : Hương-Cảng, Thượng-Hải, Phụng-Thiên, Bắc-Bình, Vân-Nam, Hanoi và Hué.

* * *

MỘT TỜ BÁO TIẾNG PHÁP SẼ RA ĐỜI

Ông LAI-VĂN-XUÂN, đốc học trường Chấn-Nam và quản lý trường Hồng-Bàng có cho tin rằng ông đang sửa soạn đề đến ngày 16 Décembre 1933 cho xuất-bản ở Hanoi một tờ báo bằng tiếng Pháp nhan là « **La Vie Indochinoise** ».

Tờ báo này mỗi tuần lễ ra một kỳ vào ngày thứ bảy, sẽ chuyên về chính-trị và văn-học và sẽ do các nhà giỏi Pháp - văn giúp bộ biên tập. Giá bán đồng niên 3\$00 ; 6 tháng 1\$70, mỗi số 0\$05.

Tòa báo ở số 7, phố nhà Thờ lớn Hanoi.

Bản-chí xin có lời mừng bạn đồng nghiệp mới và chúc cho bạn được trường thọ.

Chú thích những áng văn cổ

BÀI TỰ TÌNH

Của ông Cao-Bá Nha



(Tiếp theo số 27)

V. — **Ăn náu**

Thú thôn ồ : ao nghiền ruộng chữ (73),

Mầu giang sơn : còm sử áo kinh (74).

Pha hòa hai chữ trọc thanh (75),

Đôi mùi lữ-khách (76), thay hình hàn-nho(77).

Người mển cảnh, giang hồ nên thú,

Cảnh yêu người, tân chủ phải duyên.

Lần hồi trong tám chín niên,

Gối nhàn tạm chợp mỗi phiên tạm khuây (78).

Vườn riêng, lấy cỏ cây làm bạn,

Năm dài, xem yến nhạn bay qua.

(73) *Ao nghiền, ruộng chữ* : Lấy nghiền làm ao ; lấy chữ làm ruộng ; ý nói : sinh nhai về nghiền bút văn bài.

(74) *Còm sử, áo kinh* : Lấy sử làm còm ; lấy kinh làm áo ; ý nói : chuyên giảng tập kinh sử mà tìm cách ăm no.

(75) *Trọc thanh* : đục và trong ; nghĩa bóng là nhục và vinh.

(76) *Lữ khách* : người khách ở quán trọ (Lữ=quán trọ).

(77) *Hàn nho* : người học trò nghèo.

(78) Câu này ý nói : tạm yên ở cảnh nhàn hạ và quên nỗi buồn rầu.

Song hồ (79) ngày tháng lân-la,
 Một hai hoàng-quyền (80), năm ba tiểu-đồng (81).
 Tráp Vĩnh-thúc (82), tay phong, tay mở,
 Tập Thiếu-Lăng (83), câu lựa, câu ngâm.
 Thờ ơ thân thể phù trầm (84),
 Khi dong trước gió, khi nằm dưới trăng.
 Khuôn tạo-hóa dấu rặng phong sắc (85).
 Nợ phù-sinh phó mặc bi-hoan (86).
 Thôn-cư riêng thú bản hoán (87),
 Đem thanh giải trọc, đem nhàn giải ưu (88).

(79) Song hồ : song = cửa sổ ; hồ = giấy dán ; ngày xưa chỗ buồng học có đề cửa sổ lấy giấy dán vào.

(80) Hoàng quyền : Hoàng là vàng ; quyền là quyền sách ; sách viết bằng giấy vàng.

(81) Tiểu đồng : trẻ con ; tức là những học trò nhỏ.

(82) Vĩnh-Thúc : tên tự ông Âu Dương-tu, một nhà văn hào đời Tống bên Tàu. Tráp Vĩnh-Thúc là cái tráp đựng sách của ông Vĩnh-Thúc.

(83) Thiếu Lăng : tên hiệu ông Đỗ-Phủ, một thi sĩ có tiếng đời Đường bên Tàu. Tập Thiếu-Lăng là tập thơ ông Đỗ-Phủ.

(84) Thân thể phù trầm : thân và đời lúc nổi lúc chìm, ý nói lúc sung sướng, lúc khổ sở.

(85) Phong = nhiều, hơn ; Sắc = ít, kém. Do câu : « phong vu bỉ, sắc vu thử » (hơn bên này kém bên kia ; được bề này thì mất bề kia).

(86) Bi = thương ; hoan = vui : nỗi buồn, nỗi vui.

(87) Bản hoán : quanh quẩn không nở rút đi.

(88) Câu này nghĩa là : đem những cái trong sạch (thanh) làm tiêu tán những cái vẫn đục (trọc) ; lấy sự thư thái (nhàn) làm tiêu tán nỗi lo phiền (ưu).

*Túi Tư-mã (89) giở câu thánh phú,
 Vườn Đào-am (90) quyền chủ thần hoa ;
 Mấy phen điểm tuyết yên hà (91),
 Cúc mười lăm khóm, mai và bốn cây.
 (Còn nữa)*

(89) *Tư-Mã*: ông Tư-mã-tương-như làm bài phú « lăng vân » nổi tiếng là thánh phú ở đời Hán bên Tàu

(90) *Đào Am*: ông Đào-Am có vườn giồng hoa, mỗi thứ hoa có một vị thần hoa ; người chủ vườn hoa tức là chủ các thần hoa.

(91) *Điểm tuyết yên hà* : Điểm tuyết = tô vẽ cho đẹp thêm. — Yên = khói ; hà = ráng, tức là mây có ánh mặt trời chiếu vào thành sắc đỏ. Hai chữ này thường chỉ chỗ núi rừng, chỗ ẩn dật. Cả bốn chữ này nghĩa là sửa sang cảnh thiên nhiên cho đẹp dễ thêm.

DƯƠNG-BÁ-TRẠC và DƯƠNG-QUẢNG-HÀM



Vì một lẽ riêng, số báo này ra chậm mất ít hôm, mà muốn cho báo từ nay xuất bản được đúng kỳ nên phải nghỉ một số vào ngày 1-12-33. Nhân tiện xin các đọc giả chú ý đến mục « nửa tháng vừa qua » đăng trong số này. Mục này từ nay kỳ nào cũng có, trong ấy chúng tôi sẽ tổng thuật các việc cần phải biết để các ngài có thể không cần mua báo hàng ngày cũng rõ được những việc chính đã xảy ra.

Đối với các đọc giả mua báo giải hạn thì chúng tôi cứ tính một năm là 24 số, nửa năm 12 số để các ngài khỏi thiệt.



HOA LƯU KẾT NGHĨA

Lịch sử tiểu thuyết

SOẠN-GIẢ : DƯƠNG-BÁ-TRẠC

(Tiếp theo)

XXVII

Lúc này Nguyễn tướng-quân cùng một bọn cựu binh đương đi giọc đường gần đấy, gặp một tên quân trong quân Đinh tướng-quân chạy trốn, hơi biết đầu đuôi, liền đứng lên làm tướng bọn cựu binh đó, đốc đi tới trận địa tiếp cứu Đinh tướng-quân; bọn cựu-binh nghe tin Đinh tướng-quân một mình mắc giữa vòng vây, động lòng thương tiếc, cũng muốn ra sức cứu nguy cho chủ tướng, lại thấy Nguyễn tướng-quân bạo tợn hăng-hái lạ thường, sinh lòng khiếp phục, sợ nếu trái hiệu lệnh không khỏi bị chính pháp gia hình ngay, nên đều dăm-dắp theo lệnh hết. Nguyễn tướng-quân bắt tên quân chạy trốn đó dẫn đường đi tới, rồi đốc quân xông phá vòng vây, cướp được gươm ngựa của quân giặc rất nhiều, mình thì tuốt gươm nhẩy ngựa, chém bừa một chập dạt cả quân giặc ra; Đinh tướng-quân nghe thấy có quân ngoại cứu viện, còn mấy tên thân binh liệu mình hộ vệ, cũng hết sức cự đánh quân giặc; quân giặc bị trong ngoài đánh giáp lại, tử thương cực nhiều, phải tìm thể tháo lui; Đinh Nguyễn hai tướng-quân gặp nhau tay bắt mặt mừng, cùng nhau òa lên khóc, kể lể truyện trò từ (sau khi tương biệt, rồi bàn

nhau thu thập tàn-binh, kéo về nơi Nguyễn tướng-quân ở để chào mừng vương-phi cùng vương-tử, nướng nấu ít bữa, chiêu tập binh mã, lo đi tìm động-chúa sẽ lại tính việc sau này.

Về tới nơi, Nguyễn tướng-quân liền vào thuật chuyện cho vương-phi vương-tử nghe và nói Đinh tướng-quân đã cùng về ở ngoài đờ xin yết kiến. Vương-phi cùng vương-tử mừng rỡ quá chừng, vội vàng theo Nguyễn tướng-quân ra chào mừng Đinh tướng-quân thoát hiểm. Đinh tướng-quân trông thấy vương-tử, mừng quá, liền chạy lại ôm lấy vương-tử khóc nức nức khóc nỏ hồi lâu, vương-tử cùng Nguyễn tướng-quân cũng đều oà lên khóc cả. Hai tướng-quân kiểm điểm quân mã cả thấy còn có ba ngũ quân, truyền lệnh chia làm ba toán, sắp đặt việc canh phòng : một toán chuyên việc đi dò thám tình hình quân giặc có chuyện gì phải phi báo tức thì ; một toán đóng ở một nơi xung yếu ; nhất là canh phòng, cho quân giặc khỏi sâm-phạm vào địa phận trong làng được ; một toán túc-trực ở nhà ; lại một phái người đi các làng trừ lương mộ lính.

Bấy giờ dân trong làng mới rõ người thợ cày đến làm thuê hôm trước tức là Nguyễn tướng-quân giả nhân vương-tử làm con, vương-phi làm vợ, vừa thương, vừa mến, vừa kính sợ vừa tức cười. Các bô lão trong làng đều kéo tới van lơn xin lỗi với Nguyễn tướng-quân rằng :

— Dân làng chúng tôi nhục-nhân không nhận biết đại tướng phò vương-phi vương-tử tới đây, mạo phạm hồ uy đã nhiều, xin tướng-quân mở lượng hải hà, đem lòng dung thứ.

Nguyễn tướng-quân gạt đi mà rằng :

— Có hề chi, khi bốn tầu lần lút, còn muốn cho ai biết mặt biết tên. Tôi phò vương-phi vương-tử tới đây may nhờ được dân làng nhớ tới ơn nghĩa Đinh tướng-quân, vẫn có nhiều người tư-mộ động-chúa tôi, lại có

bụng thu dụng cho chúng tôi được có cơm ăn việc làm, đã là may lắm; ơn dân làng tôi chưa biết lấy gì báo đáp, đâu dám có điều gì chéch mếch trong lòng.

Đinh tướng-quân cũng nói với bô lão rằng :

Anh em tôi gặp cơn truân bĩ, trốn tránh gặp ghềnh không tỏ mặt rõ tên thì ai mà nhận biết được; chỉ được thấy dân làng ở đâu còn có lòng tư-mộ cựu-chúa là vui xướng không gì bằng. Dân làng ta đây vẫn còn một bụng kính oai mến đức động-chúa tôi, các cựu-binh trừ bị còn có bụng tốt lia nhà bỏ cửa, mạo giáo xông tên, đi theo cùng tôi trong khi hoạn nạn; tôi thật lấy làm cảm kích vô cùng. Nay tôi có vương-phi vương tử ở đây, nhờ dân làng cho lần lút qua thì, cơm cháo sớm hôm, cung dưỡng chu tất; anh em tôi nếu đã chắc cây có dân làng trông nom cho việc ấy thì sẽ được rộng rãi đi chiêu tập quân mã, lo đi tìm động chúa tôi, gây dựng lại cơ đồ; hiện nay động-chúa tôi chưa biết thất lạc phương nào, anh em tôi vẫn sốt ruột nóng lòng, ăn không ngon mồm, ngủ không ngon giấc, nếu dân làng đoái tưởng đến tình nghĩa xưa sau, cho anh em tôi được ký thác vương-phi cùng vương-tử ở đây mà chia đường đi tìm động-chúa tôi thì hay quá!

Các bô lão đều dạ dạ vâng mệnh. Nguyễn, Đinh hai tướng-quân bèn cùng nhau bàn định việc đi tìm động chúa. Nguyễn tướng quân nói :

— Anh từ lúc đại-kha thất lạc, bồn chồn nóng nẩy vẫn muốn liều chết đi tìm, nhưng khốn vì có vương-phi cùng vương tử bạn bịu bên cạnh mình, cái gánh vác nặng-nề ấy không giao phó cho ai được; lúc nghe tin em đương mộ lính trừ lương một làng đầu huyện, liền năn nỉ với tên cựu binh biết chỗ em ở dẫn tới chỗ em, mong gặp được mặt em thì nhờ em nhận lấy cái việc phò vệ vương-phi vương-tử cho, để anh cố chèo non lặn suối, xuất tử nhập sinh, tìm cho thấy động-chúa, thì mới đành lòng yên dạ. Nay anh

em ta đã được cùng nhau tu thủ, vậy cái việc phò vệ vương phi vương-tử, anh giao phó cho em; em nên châu chực vương-phi vương-tử, nhân phủ dụ dân chúng các làng, chiêu tập binh mã, trừ tích lương thảo; anh đi tìm thấy được động-chúa ở đâu thì liền phi báo cho em biết, hoặc đã có nơi ăn nơi ở nhất định thì phái quân về đón vương-phi vương-tử cùng em ngay; mà nếu lòng giới không tựa, biệt tăm mất tích, không tìm thấy động-chúa ở đâu, bấy giờ anh sẽ trở lại đây cùng em lo toan hậu-sự, lập vương-tử lên chủ-trì việc nước, lấy một nơi nào lập cước, anh em mình đồng tâm hiệp lực để phò vương-tử cùng gây lại cơ đồ.

Đinh tướng-quân nói :

— Việc đi tìm động-chúa còn là việc dễ, mà việc phò vương-phi vương-tử là khó hơn. Anh bấy nay châu chực vương-phi vương-tử đã quen, bao nhiêu hồi lúng túng long đong đều nhờ có anh gìn-giữ được thoát nguy xuất hiểm; bây giờ việc đi tìm động-chúa cũng là cần thật, nhưng cái nỗi đi xương về nặng, xông pha thiên sơn vạn thủy, lặn lội thăm dò, thì sức mọn em cũng còn cố gắng được, chứ cái thần lực Quan-vân trường, cái can-đảm Triệu-tử-long như anh, em làm sao có được, mà anh nữa đem giao cái gánh nặng phò vệ hoàng-tầu, bảo trì Át-đầu cho em, em nào dám nhận cái việc quá sức em, mà anh kỳ thác liễu lĩnh cho em như thế tưởng cũng là không phải. Vậy xin anh cứ ở lại đây châu chực vương-phi vương-tử, để cho em đi tìm động chúa là hơn.

Nguyễn Tướng-quân nói :

— Việc nào cũng là việc nhà việc nước cả; anh em mình một lòng một dạ, chia công chia việc mà làm, có kẻ gì khó dễ, có phần gì hơn kém; cứ đem hết cái lòng thành trung ái phẫn bất cố thân, thì yếu cũng hóa khỏe, khờ cũng hóa khôn, nguy hiểm gì mà kinh,

gian nan gì mà ngại ; ấy bao nhiêu hồi lúng túng long đong trong khi hộ vệ vương phi vương-tử đi đường mà anh đều thoát qua được cả, cũng chỉ nhờ thế mà thôi ; em lại là người trí dũng kiêm toàn, làm một việc như thế có lấy gì làm quá sức ; anh không có ý gì chọn việc, chỉ nghĩ dân làng ở đây là thuộc quyền thống trị của em trước cả, oai tín em đã trấn phục, ơn đức em đã cổ kết người ta được nhiều ; anh ở đây một dạo nghe dân tình vẫn còn cảm-mến kính sợ em lắm, nay để vương-phì vương-tử có phần được yên ổn vững vàng hơn ; em chớ tưởng việc đi tìm động-chúa là có lắm bề nguy hiểm gian nan mà muốn đỡ lấy cái khó cho anh, thành ra lại bỏ cái việc này là cái việc phải cần đến em lắm ; vả nay anh em mình đã nhà tan nước phá, phải lo nhóm rau nhóm bếp lại, cần làm sao mà mộ được quân lính, gom được lương thảo ; các dân làng trong vùng đây, em đã am hiểu tình thế cả, nhân dân cũng đều vẫn cảm mến kính sợ em, việc khiêu binh tổng lương cũng có phần dễ hơn anh nhiều lắm. Thôi em cứ đành lòng ở lại để mặc anh đi.

Nói dứt lời liền đứng giậy bước vào thưa với vương-phì vương tử, an ủi hết lời, rồi từ biệt Đình tướng-quân đem một ngũ thân-binh đi thẳng.

HỒI THỨ 10

**Mưu gian phản-gián, Đình Điền mắc sự hiểm nghi,
Đất khách thăm dò, Nguyễn Bặc tìm nơi cổ chúa.**

Đình tướng quân đã tiễn biệt Nhị-kha rồi, họp cả các quân hiền dụ mọi lẽ, hạ lệnh đặt bốn góc làng bốn cái vòug canh, ngày đêm cất quân luôn-lưu phòng thủ, lại phái mọi người đi chiêu kết các làng, nhờ giúp lương gọi lính cho, đâu đấy đèn dạn dò hết sức kín đáo, đừng có lộ thanh tích cho Lê-Hoàn biết vội, dần dần các làng cũng lần lượt đưa lương đưa lính

tới, ngằm dấm được thể lực một ngày một khá to.

Nguyễn tướng-quân đi cùng một ngũ thân binh, lội suối lách rừng bắt phân nhật dạ, đi tới đâu cũng dò thăm tin tức động chúa, mà chẳng thấy gì; một hôm đương đi lủi thủi giọc đường, trông đằng xa thấy có một người gánh một gánh than đi tới, có ý nhận kỹ thì là một tên lính cũ ở trại sơn động ngày xưa; Nguyễn tướng quân vội vàng chạy lại hỏi han; tên lính ấy trông thấy Nguyễn tướng-quân, đặt gánh than xuống đất, đứng nép bên đường thì lễ cúi chào, Nguyễn tướng-quân hỏi:

— Người ở đâu đi tới?

Tên lính ấy thưa:

— Tôi ở quãng rừng này đi ra, đem than xuống chợ bán.

— Ta nhớ người là một tên lính ở trong một ngũ lính sơn-động đi theo động chúa, sao lại ở đây làm than?

— Bẩm phải, con là một tên lính ở trong một ngũ lính sơn động đi theo động chúa bấy giờ thật; nhưng chẳng may giữa đường gặp phục binh giặc chặn đánh, chúa tôi thất lạc, tôi chạy vào lẩn ở trong rừng sâu, đốn củi đốt than kiếm ăn lần hồi cho qua ngày tháng. Thôi, trời đã sế bóng, tôi xin phép tướng quân đi xuống chợ bán than cho xong còn về kéo tối.

— Vậy bây giờ người ở đâu mà về, có nhà cửa gì không?

— Bẩm, nhà cửa cũng chưa có gì cả, ở bạ vào cái lều của mấy người đốn củi trên rừng.

— Bây giờ người có bằng lòng theo ta nữa không?

— Bẩm, tướng quân là chủ tướng cũ chúng tôi, không bao giờ chúng tôi giám quên uy đức; nhưng hiện nay giang sơn bờ cõi đã về Đinh-thúc với Lê-Hoàn thống trị hết, tướng quân còn đi đâu làm gì? mà chúng tôi có theo tướng quân nữa làm chi?

(Còn nữa)

NỬA THÁNG VỪA QUA

VIỆC THỀ - GIỚI

MỸ - NGA GIAO HẠO

Nước Nga từ hồi cách mệnh năm 1917, Chính-phủ Xô-viết cầm quyền, vẫn bị nước tư bản Mỹ ghét như thuốc độc, không thừa nhận và không giao thiệp với. Song từ năm 1931 tới nay, người Nhật hoành hành ở phương đông làm cho Liệt cường đều phải ngửa gàn không chịu nổi; mà trong Liệt cường thì nhất là hai nước Nga-Mỹ, vì lợi hại quan thiết mà lại càng không sao chịu nổi thái độ quật cường của người Nhật, cho nên ít lâu nay người ta đã có tin đồn: vì sự đối Nhật, có lẽ hai nước Nga, Mỹ sẽ kết liên với nhau. Cái tin đồn ấy, đến nay nó đã thành ra sự thực rồi: nước Mỹ vừa đây đã thừa nhận Chính phủ Nga, và hai nước đã cử đại-sứ sang Mạc-tư-khoa (Moscou) và Hoa-thịnh-đốn (Washington).

Cái việc Nga Mỹ phục giao này chắc có ảnh hưởng lớn đến thời cục của phương Đông Á. Thái độ quật cường của nước Nhật chưa biết có còn dám mãi như thế không? mà Nga Mỹ đã liên lạc hỗ trợ thì cuộc Nhật Nga hay Nhật Mỹ chiến tranh chưa biết có tránh khỏi được không?

Một tờ báo Ý là Observatoire Romano công kích việc Mỹ thừa nhận Nga mà nói rằng « Thừa nhận một nước cách mệnh tức là khuyến khích cho nước ấy chống cự lại và hành động hết thảy mọi việc », Nói vậy rườm rà, tờ báo Ý kia à! Thế nào là nước cách mệnh? Vậy như nước Mỹ năm xưa phản Anh

mà độc lập, há chẳng cũng gọi được là nước cách mệnh hay sao? Thế giới này từ xưa đến nay nước nào là nước không phải trải qua những hồi cách mệnh? Chính nước Ý, ai bảo không phải là nước đã từng trải nhiều hồi cách mệnh. Vì sự đối Nhật mà Mỹ Nga liên lạc nhất khi nước Mỹ, kia có đại đầu mà!

NƯỚC TÀU

Tỉnh Phúc-kiến dựng thành Chính - phủ độc lập

Vì thấy Chính phủ Nam kinh quốc phòng thất bại, ngoại giao thất bại làm cho mất quyền nhục nước, sinh ra chán ngán, nên một bọn quân nhân và chính khách ở Phúc kiến như Trần minh Khu, Sái đình Khải, Tưởng quang Nại, Trần hữu Nhân v. v. hôm 20 Novembre vừa rồi đã tuyên bố tỉnh Phúc kiến độc lập, dựng thành « *Trung-Hoa cộng hòa quốc nhân dân cách mệnh chính phủ* » Các yếu nhân trong chính phủ này đã tuyên bố thoát ly hẳn Quốc dân đảng (dù họ vốn là người trong quốc dân đảng) không dùng cờ thanh-thiên bạch nhật, chề ra hiệu cờ mới trên đỏ dưới lam giữa có điểm vàng năm sao. Cứ xem lời tuyên cáo dân quyền của Chính phủ này thì tỏ ra họ rất thiên về màu đỏ (cộng sản). Cũng như bọn Quốc dân trước, cánh này họ cũng định tiến lên thống nhất nước Tàu. Chính phủ Nam kinh đã phái người điều giải nhưng không thành hiệu, có lẽ lại xảy cuộc nội chiến đến nơi.

NƯỚC PHÁP

Tòa Nội các thay đổi

Tòa nội các Albert Sarraut, mới thành lập hồi cuối tháng 10 (thay nội các Daladier). Đến bữa 24 tháng 11, vì vấn đề tài chính đem ra bàn ở hạ nghị viện, cái chương trình của Chính phủ bị nhiều nghị viên

chỉ trích, tới lúc bỏ phiếu thì Chính phủ bị thiên số. Thế là ông Sarraut đệ đơn từ chức, tòa nội các Sarraut đổ.

Sau khi nội các đổ, ông Chautemps được quan Tổng thống uỷ lập tòa nội các mới. Nội các Chautemps đã thành lập như sau này :

Thủ tướng kiêm nội vụ :	CHAUTEMPS
Ngoại giao	PAUL BONCOUR
Tài chính	GEORGES BONNET
Chiến tranh	DALADIER
Thủy quân	SARRAUT
Thuộc địa	DALIMIER

Còn các bộ khác xin lược.

Nội các mới đã tuyên bố chính sách của mình là chấn hưng tài-chính và phòng thủ quốc-gia. Ừ thì tôi cũng bảo nước Pháp ngày nay có hai việc ấy là quan yếu hơn nhất.

NUỚC XIÊM

Đảng bảo hoàng thất bại

Đảng Bảo hoàng do ông hoàng thân Boveradej làm lãnh tụ và lại có Xiêm-hoàng âm trợ, vừa rồi nổi loạn mưu đánh đổ chính phủ dân đảng. Nhưng vì quân của chính phủ thắng thế, đảng Bảo hoàng thất bại, ông Hoàng thân Boveradej cùng một số đảng nhân phải chạy chốn sang Đông-dương ta.

Việc trong nước

Vấn đề nước mắm tại Đại hội nghị

Ít lâu nay có một bọn vận động xin với Chính phủ định luật kiểm soát nước mắm, bắt nước mắm phải đóng vào chai như các chai rượu, chủ đích của bọn ấy là định thu lấy mỗi

lợi nước mắt làm độc quyền. Vì vậy trong mấy tháng nay, những tờ báo biết bênh vực quyền lợi của dân đều hết sức phản đối. Kỳ hội đồng thường niên của Đại hội nghị kinh tế tài chính họp ở Hanoi trong tháng 11 vừa rồi, Chính phủ cũng giao vấn đề kiểm soát nước mắt cho Hội nghị bàn xét kết quả thì các nghị viên bác đi hết thấy những điều dự định của Chính phủ về vấn đề ấy. Viên đại diện của Chính-phủ ở hội - nghị bên cũng bằng lòng rút cái nghị án ấy ra.

Thế là chế độ nước mắt vẫn cứ như xưa, cái mưu độc quyền hoàn toàn thất bại.

* * *

Ngự - giá Bắc - tuần

Từ ngày vua Bảo Đại hồi loan lâm chính (1932), Ngài đã đi tuần du khắp xứ Trung kỳ, đến nay, ngài lại mệnh giá ra tuần du xứ Bắc. Sáng bữa 28 tháng 11 năm 1933 (11 tháng mười niên hiệu Bảo-Đại thứ 8), khởi giá, Ngài cùng quan Khâm-Sứ Thibaudeau và các quan Hộ giá đại thần đi xe ô-tô vô Tourane, rồi xuống chiếc chiến hạm Dumont d'Urville nhổ neo ra Bắc. Ngày 29, ngài ra tới hạt Bắc - kỳ, quan Thống - Sứ Tholance, quan Chánh sở Liêm phóng Arnoux cùng nhiều viên chức thân đến đón Ngài tại cửa Rúa. Ngày 29 và 30, Ngài tuần du hai tỉnh Quảng yên, Hải - Ninh (Hongay) và vãn cảnh vịnh Hạ-long, rồi sớm ngày 1 tháng 12 thì Ngài ngự đến thành phố Hải Phòng.

Trước khi ngự giá đến Bắc-Kỳ, khắp xứ, đâu đấy đã dự bị cuộc nghênh tiếp rất là long trọng, xây lầu dựng cổng, treo đèn kết hoa; Hoàng-Thượng có chế ra hiệu cờ mới của nước nhà, trên vàng dưới vàng, giữa đỏ, có thể gọi là cờ hồng hoàng nên Chính-phủ đã truyền cho quan dân, đều phải chế thứ cờ mới ấy và hợp với cờ nước Pháp để đón giá.

Ngày 1, Hoàng-Thượng ngự chơi Hải-Phòng và Kiến An. Sớm ngày 2, Ngài ngự xe lửa riêng từ Hải Phòng lên, giọc đường ghé qua Hải Dương, rồi đến gần 10 giờ sáng thì Ngài lên đến Hanoi.

Đến Hanoi, Ngài ngự tại phủ Toàn-Quyền, tiếp kiến các quan chức và các l.ội công cử, quan Toàn-Quyền Pasquier đọc bài chúc từ. Buổi chiều, thiết triều tại hội quán Khai-trí Tiến-đức, đề quan lại Bắc Kỳ làm lễ triều kiến.

Về cuộc tuần du ở các tỉnh Bắc Kỳ này, vì hành cung các tỉnh đều đã cũ nát, Ngài cũng không muốn các tỉnh phải tốn tiền tu bổ, nên Ngài không ngự tại nơi hành cung nào cả, hằng ngày ngự chơi đến các tỉnh, tối lại ngự về phủ Toàn-Quyền; duy bữa ngự du Cao Bằng Bắc-kạn là Ngài phải vắng ở Hanoi một tối mà thôi. Ngài đi thăm gần khắp các tỉnh ở Bắc Kỳ, trừ có mấy tỉnh xa xăm ở miền biên giới. Ở Hanoi thì Ngài thăm các công sở, các nơi cổ tích, các học đường, các bệnh viện, các hội quán, các thiện đường, đến đâu cũng đều thấy những sự hoan nghênh mười phần trọng thể.

Ngày 13 tháng 12, Ngài đi Phủ-Lý, xuống Nam khánh thành cuộc hội-chợ, rồi vào Ninh-Bình; ở đấy, Ngài đáp xe lửa riêng về Huế.

Hội - đồng Cổ - vấn ở Bắc - Kỳ

Theo hòa-ước năm 1884, thì Nam triều không phải mất hẳn quyền cai trị ở Bắc Kỳ, cho nên khi cuộc bảo hộ mới dựng thành, Bắc-Kỳ có đặt ra chức kinh lược đại-sứ để thay mặt Nam-triều hiệp cùng chính phủ Pháp cai trị đất Bắc. Song từ năm Thành-Thái trở về sau, chức kinh lược đại sứ bãi đi, thì ở Bắc-kỳ, Nam-triều trừ việc ban sắc bách thần và các quan, cơ hồ không có quyền gì nữa. Nay đức Bảo-Đại về nước lâm chính, Chính phủ Bảo-hộ muốn việc chính trị ở xứ này sẽ lấy hòa-ước làm căn bản, vì vậy lại định

khôi phục chức kinh lược ở Bắc-kỳ. Song chức kinh lược lần này, không phải là lại đặt ra một nam quan như xưa, mà là sẽ ủy nhiệm vào quan Thống-Sứ kiêm lĩnh chức ấy, rồi dưới quan Thống-Sứ có một Hội đồng người Nam giúp việc, gọi là hội đồng Cố-vấn. Hội đồng ấy gồm có 6 vị, chọn trong hàng quan lại cao cấp và những người có danh vọng, nhiệm kỳ 2 năm. Những nhân viên trong hội đồng này, do nhà vua ủy nhiệm để giúp quan Thống-Sứ kiêm kinh lược, thường bàn về mọi yếu chính ở Bắc-Kỳ, phẩm chức cũng ngang như các quan Thượng thư ở Huế. Khi nào qua Huế cũng có thể được dự vào những phiên Hội đồng Cơ mật.



HỘP THƯ

Hội Gêrindo, Savannakhet --- Văn Học Ngà; mua từ 1er Janvier 1933 đến 30 Juin 1933 là 2\$10 và từ 1er Juillet 1933 là 1.70 thế mà Ngà; mới trả có 3\$ vậy còn thiếu 0.80 nữa. Xin ngà; gửi trả cho nốt.

Ông Trần văn Hữu, Phnom Penh — Về hạn báo của ngà; mua từ số 11 đến số 19 là 1\$60 và 1 năm từ số 20 trở đi (1-7-43) là 3\$ mà ngà; đã trả 2 lần được 4\$. Vậy ngà; còn thiếu 0.60 nữa.

Ông Kiều hữu Ba Phát-Diệm. — Theo thư ông gửi mua báo trong có kèm cái mandat 1\$, và nói lần trước đã gửi 0.50 tem ra mua sách mà không nhận được, vậy ông cộng cả là 1\$50, nhưng 0.50 tem ấy chúng tôi không tiếp được, nếu tiếp được thì đã gửi sách vào ngay. Thế là về tiền mua báo ông mới trả được 1\$.

Ông Võ thành Lân, Saigon. — Hiện báo, tôi vẫn gửi vô Ngà; xem. nay nhận được thư Ngà; hỏi mới biết là những số báo ấy đã bị mất, vậy từ số này trở đi tôi sẽ gửi theo chỗ ở mới của ngà;.

Ông Huỳnh-cao-Úng, Chợ-lớn. — Nếu những số báo nào ông không nhận được thì ông cứ ra nhà Bưu-Điện trong ấy mà hỏi xem ra sao rồi ông trả lời cho tôi biết,

Ông Thái-Khôn, Rạch Giá. — Về hạn báo trước của Ngà; còn thiếu 2\$ và hạn này (6 tháng từ 1-7-33 đến 31-12-33) 1\$70 cộng 3.70, Xin trả lời đề ngà; rõ.

AI BIẾT BẢO GIÙM

Bài đăng dưới đây cũng của một ông bạn đọc báo gửi cùng với mấy bài đã đăng ở mục này số trước.

Cứ theo lời bạn, bài này tương truyền của một « cô tây » viết cách đây đã mấy chục năm, trong có nhiều chữ viết theo giọng chữ tây : vậy các đọc - giả thử đoán những chữ ấy xem và cho biết có phải của « cô tây » ấy viết hay là của một ông nào viết, mà tên tác - giả là gì ?

X

(Bài này viết theo lối chữ quốc - ngữ bỏ dấu in ở V. H. T. C. số 27)

Ee kia mootx beuc tinhr theu,
Eang-voa theam hoiz me seur Ri-deang.
Tus-sion gatx meat than reangr:
Coo-soong cais phaanh long đong nhioy nhangr.
Dior-puy thieep bens zuieen changr,
Thioir nu cungv cheangz deuioex banr tieecx chi.
Loa-nhee ai kheos juxx sui,
Cu-too ai niox keat muir nguieetx hoa.
La-cua zeeu mocx treang tar,
La-seam bieet laais ai lar a-mi.
Lanhx lungr manbz oas sio mi.
Li-ve cheanr chocx suieecx li mootx minhr
Looang-ten ai cos thaaus tinhr,
Peang-see deens nooiv thaam minhr bieengz pan.

CÁCH ĐỌC			
CHỮ	QUỐC - NGỮ	BỎ DẤU	
ea	thay	cho ă (uhur teanng=tăng)	d thay cho đ (như den=đen)
aa	—	â (— taam = tâm)	z — — d (— zan = dan)
ee	—	ê (— teen = tên)	j — — gi (— ja, jia = gia, giia)
oo	—	ô (— toon = tôn)	s — — / (— tams = tám)
io	—	ơ (— biot = bớt)	r — — \ (— bar = bà)
eu	—	ư (— leung = lưng)	z — — ? (— nhaz = nhả)
			v — — ~ (— bav = bã)
			x — — • (— ngoex = ngọc)

Dior-puy thieep cach zuieen changr,
Thioir moa cungv cheangz bieet changr *bieengz* nong
Nu-ven bieet cos ai cungr,
Xee-sar motx beuc thio hongr geuiz sang.
Sis-vu deuiox luc thanh nhanr,
Vioi-jee trioiz laix An-nam uin *phuar*.
Det - be vu *bieengz* tus - jua,
Monng-kio chiz dioix *me-seur* chongs saang.
Dior - puy vu kit An - nam,
Thioir moa cungv chaangz luaanx banr viois ki,
Khen cho *sen - daat* cungv kir,
An - nam taai quooc laais jir *eang - voa*.
Laais jir mar geuiz lamr quar,
Moa phe uin let deez mar *ca - doo*.
Lot-kior vu suoongs ba - too,
Mee lacx nos chaaiz nheu hoor neuioe ngieeng.
Si vu don bacx don tieenr,
Thioir moa cungv cheangz deuioex ieen *mong-kior*.
Geuiz nhioir theam hoiz *ta-sio*,
Laix cungr caz voot ay io thanh nhanr.
Lio-Roa Thanh-Thais An-nam,
Niop jem thangs tams jua sang mongr meuior.
Si-nhee lar Nguieenv Thix Dioir,
Vi-la Kir-bas huieenx thioir Tien-ien.
Roo vanh chinhx theux Quangz-ien,
Ret - tee kis ngx ioz been Thais - Binh.

Cải chính : Về mục « ai biết bảo giùm » ở kỳ trước có in lầm những chữ sau này :

Trang	451	hàng	21	chữ	Thix	xin	đọc	là	Thi
«	452	»	15	»	thuys	»	»	»	thuyz
«	»	»	22	»	ngauois	»	»	»	ngauoir
«	»	»	27	»	taz	»	»	»	tas

Mới xuất bản SÁCH DẠY ĐÁNH CỜ của M. ĐỖ-TRÀNG SẴN

Ai chưa biết Cờ ? — Muốn học.

Ai đã biết Cờ ? — Muốn cao.

— Xin coi :

SÁCH DẠY ĐÁNH CỜ

Dạy đủ cách

Ra quân cho được thạo, dàn quân cho khỏi bí.
Đi lăm nước rất bí hiểm, khếp vào nhiều trận hay vô cùng

Muốn cao các bạn nên xem

Sách DẠY ĐÁNH CỜ — Giá 0 \$ 20 Cước thường 0 \$ 06

Bán tại : ĐÔNG-TÂY ÁN-QUÁN, 193. Phố hàng Bông — Hanoi

Mua một quyển gửi bằng timbres - postes cũng được.

(nhớ thêm cả tiền cước)

Riêng đọc-giả Văn Học hạn trong một tháng xin trừ 5 xu 1 quyển

Kính thuốc



Nhà TINH - KÝ,

84 - 86, Phố Đầu Cầu
(Avenue Paul Doumer)

HAIPHONG

Chuyên buôn các thứ
kính thuốc cận thị,
viễn thị và dưỡng
mục. Nhiều kiểu gọng
rất đẹp. Có thợ khoan
và mài mắt kính.

Bán buôn và bán lẻ
giá rất hạ

hotel

TAM-KÝ

KHÁCH LẦU

Nº 7 à 27 BOULEVARD GALLIÉNI

Nº 67 à 69 COLONEL GRIMAUD

Nº 165 à 171 & 178 à 182 RUE

— BOURDAIS SAIGON —

GIÁ HẠ - MÁT MẺ VÀ SẠCH SẼ



Chủ nhơn : HUỖNH-HUỆ-KÝ

Dépôt - legal

Triage 1000 ex.

Le 15-12-33.

L'Imp^r

et l'éditeur,

MỜI XUẤT BẢN

Một quyển sách rất có ích cho các nhà buôn bán,
các nhà kỹ - nghệ, các nhà kế - toán,
các tư - gia và
các học - trò

CÔNG VIỆC NHÀ BĂNG

CỦA DƯƠNG TỰ NGUYỄN SOẠN



Trong có những mục :

1° Đại ý về nghề nhà băng. — 2° Phân biệt các nhà băng. —
3° Cách tổ-chức của các nhà băng ngày nay. — 4° Nhận
tiền của người khác gửi. — 5° Cách dùng séc. — 6° Cho
vay. — 7° Giấy giao kèo đổi bạc. — 8° Trả tiền hộ cho
người khác ở nơi xa. — 9° Giấy tín nhậm để lĩnh tiền du
lich. — 10° Giấy tín-nhậm để lĩnh tiền hàng. — 11° Mua các
thương-phiếu. — 12° Phát hành giấy bạc. — 13° đổi bạc các
nước. — 14° Nhận mua và bán các trái phiếu và cổ phần. —
15° Nhận gửi các đồ quý trọng và cho thuê tủ sắt. — 16° Hỏi
hộ các tin tức. — 17° Cách tính lãi. — 18° Cách khấu lãi
các thương phiếu. — 19° Cách lập sổ lưu trữ hằng ngày. —
20° Biểu liệt kê những tiền các nước và biểu tính lãi.



SÁCH DÀY 262 TRANG, ĐỒNG BÌA THẬT ĐẸP.

GIÁ \$ 1.20 CƯỚC GỬI \$ 0.25

Mua 1 quyển gửi mandat 1\$45 cho Đông - Tây ấn - quán
193, phố hàng Bông — Hanoi

(Nếu gửi lĩnh hóa giao ngân (contre remboursement) thì
thêm 0\$15 tiền retour de mandat nữa).

Bán tại Đông-Tây Ấn Quán, 193, PHỐ HÀNG BÔNG, HÀ NỘI
Nam Tân, 84, BOULEVARD BONNAL, HẢI PHÒNG

Imprimerie Đông-Tây Hanoi

Le Gérant : DƯƠNG-TỰ-QUÁN